

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG ĐÀ NẴNG  
VÀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG ĐÀ NẴNG KHUYẾN NGHỊ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ  
NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ  
BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN TRƯỚC KHI THAM GIA ĐẤU GIÁ

# **BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

## **BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU**

### **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG ĐÀ NẴNG**

#### **TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG ĐÀ NẴNG**



Địa chỉ trụ sở chính: 26 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng  
Điện thoại: 0511.3821 114  
Fax: 0511.3822 565  
Website: [www.danangportvn.com](http://www.danangportvn.com)

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ**

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**



Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: 04.3941 2626 / 04.3936 0750  
Fax: 04.3934 7818  
Website: [www.hnx.vn](http://www.hnx.vn)

#### **TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**



Địa chỉ trụ sở chính: Số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại: 04.3556 2876 / 04.3556 2875  
Fax: 04.3556 2874  
Website: [www.vietinbanksc.com.vn](http://www.vietinbanksc.com.vn)

Tháng 5 năm 2014

# MỤC LỤC

PHẦN I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA .....	9
PHẦN II. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ NGỮ VIẾT TẮT .....	11
PHẦN III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP .....	12
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA.....	12
1. Thông tin chung về Doanh nghiệp cổ phần hóa.....	12
2. Quá trình thành lập và phát triển của Công ty .....	12
3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh .....	14
4. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu .....	15
5. Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng trước cổ phần hóa .....	15
6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần.....	19
7. Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.....	20
8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp .....	26
8.1. Tình hình đất đai .....	26
8.2. Thực trạng tài sản.....	29
9. Chủ sở hữu Công ty và Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh của Công ty.....	32
9.1. Chủ sở hữu Công ty .....	32
9.2. Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh của Công ty.....	32
10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa.....	33
10.1. Tình hình hoạt động kinh doanh .....	33
10.1.1. Đánh giá hiệu quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng trong giai đoạn 2011 đến nay .....	33
10.1.2. Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm.....	35
10.1.3. Nguyên vật liệu .....	38
10.1.4. Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ giai đoạn 2011 – 2013 .....	38
10.1.5. Trình độ công nghệ .....	39
10.1.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	44

# MỤC LỤC

10.1.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/ dịch vụ .....	45
10.1.8. Hoạt động Marketing .....	47
10.1.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	47
10.1.10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết .....	47
10.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng .....	49
10.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo .....	55
10.3.1. Thuận lợi .....	55
10.3.2. Khó khăn, bất lợi.....	55
11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....	56
11.1. Vị thế của Công ty trong ngành .....	56
11.2. Triển vọng phát triển ngành .....	57
11.3. Định hướng phát triển của Công ty.....	59
11.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.....	60
<b>II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH SAU KHI CỔ PHẦN HÓA .....</b>	<b>60</b>
1. Mục tiêu cổ phần hóa .....	60
2. Hình thức cổ phần hóa .....	61
3. Thông tin Doanh nghiệp sau cổ phần hóa.....	61
4. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa.....	58
5. Cơ cấu tổ chức Công ty mẹ sau cổ phần hóa .....	64
6. Cơ cấu sở hữu của Công ty với các đơn vị thành viên.....	68
7. Một số thông tin chủ yếu về chiến lược phát triển doanh nghiệp và kế hoạch đầu tư sau khi cổ phần hóa .....	68
8. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 03 năm liền kể sau khi cổ phần hóa .....	68
<b>PHẦN IV. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ .....</b>	<b>74</b>
1. Vốn điều lệ.....	78

# MỤC LỤC

---

2. Cơ cấu vốn điều lệ.....	78
PHẦN V. RỦI RO DỰ KIẾN .....	75
1. Rủi ro về kinh tế.....	79
2. Rủi ro về luật pháp .....	78
3. Rủi ro đặc thù ngành .....	78
4. Rủi ro của đợt chào bán .....	79
5. Rủi ro khác .....	79
PHẦN VI. CỔ PHẦN CHÀO BÁN .....	80
1. Thông tin chung về đợt chào bán.....	84
2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần .....	84
2.1. Phương thức bán cổ phần.....	84
2.2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán.....	85
3. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa.....	85
4. Các bên liên quan đến đợt chào bán.....	87

# DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Cơ cấu lao động chuyển sang công ty cổ phần.....	20
Bảng 2: Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 24h ngày 30/9/2013	21
Bảng 3: Tài sản cố định không cần dùng chờ thanh lý .....	25
Bảng 4: Tài sản cố định không cần dùng chờ chuyển giao.....	25
Bảng 5: Tình hình đất đai.....	26
Bảng 6: Tính giá trị quyền sử dụng đất giao vào giá trị doanh nghiệp.....	29
Bảng 7: Danh mục tài sản của Cảng Đà Nẵng tại 30/9/2013.....	29
Bảng 8: Danh sách công ty con của Cảng Đà Nẵng .....	32
Bảng 9: Danh sách công ty liên kết, liên doanh của Cảng Đà Nẵng .....	33
Bảng 10: Cơ cấu doanh thu và thu nhập khác của Công ty mẹ giai đoạn 2011 – 2013.....	35
Bảng 11: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty mẹ giai đoạn 2011 – 2013 .....	37
Bảng 12: Cơ cấu chi phí của Công ty mẹ giai đoạn 2011 – 2013.....	38
Bảng 13: Hệ thống cầu bến .....	40
Bảng 14: Danh mục phương tiện, thiết bị .....	41
Bảng 15: Các phương tiện thiết bị đã được đầu tư trong giai đoạn 2011 – 2013 .....	45
Bảng 16: Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết.....	47
Bảng 17: Kết quả kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2011 – 2013.....	49
Bảng 18: Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ giai đoạn 2011 – 2013.....	51
Bảng 19: Một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất giai đoạn 2011 – 2013 .....	52
Bảng 20: Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ giai đoạn 2011 – 2013 .....	54
Bảng 21: Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần.....	62
Bảng 22: Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD Công ty mẹ trong 05 năm sau cổ phần hóa .....	69
Bảng 23: Kế hoạch đầu tư phương tiện thiết bị 05 năm sau cổ phần hóa theo giai đoạn .....	71
Bảng 24: Kế hoạch đầu tư và xây dựng công trình giai đoạn 2014 – 2018 .....	72
Bảng 25: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến của Công ty sau khi cổ phần hóa.....	78
Bảng 26: Phương thức bán cổ phần dự kiến .....	84
Bảng 27: Dự kiến kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa .....	86

# TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT ĐẤU GIÁ

1. Tên doanh nghiệp : **Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng**
2. Số lượng cổ phần bán đấu giá công khai : **8.301.700 cổ phần**
3. Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
4. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
5. Giá khởi điểm : **11.400 đồng/cổ phần**
6. Số lượng đặt mua tối thiểu : 100 cổ phần
7. Giới hạn khối lượng đăng ký : Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành
8. Đối tượng : Các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần
9. Phương thức thực hiện đấu giá : Đấu giá công khai thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

## 10. Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin:

### ▪ **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG ĐÀ NẴNG**

Trụ sở chính : 26 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng  
Điện thoại : 0511.3821 114 Fax: 0511.3822 565  
Website : [www.danangportvn.com](http://www.danangportvn.com)

### ▪ **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Trụ sở chính : Số 02 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại : 04.3936 0750 Fax: 04.3934 7818  
Website : [www.hnx.vn](http://www.hnx.vn)

### ▪ **ĐẠI LÝ ĐẤU GIÁ**

Theo Quy chế đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

# CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT ĐẦU GIÁ

1. Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
2. Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
3. Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
4. Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 28/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
5. Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
6. Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTTXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP;
7. Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
8. Thông tư 10/2013/TT-BTC ngày 18/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con;
9. Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012 – 2015;
10. Nghị quyết số 1111/NQ-HHVN ngày 06/5/2013 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về kế hoạch thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước năm 2013;
11. Quyết định số 217/QĐ-HHVN ngày 21/5/2013 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng;
12. Quyết định số 260/QĐ-HHVN ngày 07/6/2013 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng;

## CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT ĐÁU GIÁ

---

13. Nghị quyết số 2656/NQ-HHVN ngày 23/9/2013 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng;
14. Nghị quyết số 671/NQ-HHVN ngày 13/3/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc lựa chọn tổ chức tư vấn xây dựng phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng;
15. Quyết định số 93/QĐ-HHVN ngày 28/3/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng;
16. Quyết định số 216/QĐ-HHVN ngày 06/5/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng thành công ty cổ phần;
17. Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp và Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng tại thời điểm ngày 30/9/2013;
18. Các văn bản, tài liệu pháp lý khác có liên quan.



# PHẦN I: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

## 1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng

- **Ông Lê Triều Thanh** Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Trưởng ban
- **Ông Đặng Sâm** Phó Chủ tịch công đoàn Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Phó Trưởng ban thường trực
- **Ông Nguyễn Thu** Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng – Phó Trưởng ban
- **Bà Nguyễn Thị Hiền** Phó Trưởng Ban Kế toán Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Ủy viên thường trực
- **Bà Đoàn Thị Thu Hương** Trưởng Ban Tổ chức Tiền lương Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Ủy viên
- **Bà Nguyễn Thị Hoài Phương** Phó Trưởng Ban Kế hoạch Đầu tư Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Ủy viên
- **Ông Nguyễn Xuân Bường** Phó Trưởng Ban Xây dựng cơ bản Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Ủy viên
- **Bà Phạm Quỳnh Anh** Phó Trưởng Ban Quản lý các doanh nghiệp có vốn góp Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam – Ủy viên
- **Bà Phạm Thúy Nga** Quyền Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Ủy viên
- **Ông Trần Đăng Hùng** Phó Trưởng Ban Quản lý khai thác Cảng biển Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Ủy viên
- **Ông Nguyễn Quang Dũng** Phó trưởng Ban Tư vấn và Đổi mới phát triển doanh nghiệp Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Ủy viên
- **Ông Ngô Việt Anh** Trưởng Phòng Pháp luật Hàng hải, Ban pháp chế – Thanh tra Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Ủy viên
- **Bà Kiều Phương Ngọc** Cán bộ Ban Tư vấn và Đổi mới phát triển doanh nghiệp Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Ủy viên, Thư ký

# PHẦN I: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

**Chúng tôi cam kết** các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

## 2. Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng

- **Ông Nguyễn Thu** - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc
- **Ông Nguyễn Xuân Dũng** - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kỹ thuật
- **Ông Nguyễn Hữu Sia** - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh và Khai thác
- **Ông Lê Quảng Đức** - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Nội chính, Kế toán trưởng Công ty

**Chúng tôi cam kết** các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

## 3. Tổ chức tư vấn

- **Ông Bạch Nguyễn Vũ** - Phó Tổng Giám đốc

*(Theo Giấy Ủy quyền số 02/UQ-CKCT do Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam ký ngày 04/3/2014)*

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng do Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng.

**Chúng tôi đảm bảo rằng:**

- ✓ Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng cung cấp.
- ✓ Các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ theo đúng trình tự bắt buộc nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán.

## PHẦN II: CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Trong Bản công bố thông tin này, các từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

- Bộ GTVT : Bộ Giao thông Vận tải
- Công ty/Cảng Đà Nẵng : Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng
- Ban chỉ đạo/BCĐ : Ban chỉ đạo cổ phần hóa
- HĐQT : Hội đồng thành viên
- TGĐ : Tổng giám đốc
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- CTCP : Công ty cổ phần
- MTV : Một thành viên
- UBND : Ủy ban nhân dân
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- ĐKKD : Đăng ký kinh doanh
- CNQSDĐ : Chứng nhận quyền sử dụng đất
- BCTC : Báo cáo tài chính
- DT : Doanh thu
- DTT : Doanh thu thuần
- LN : Lợi nhuận
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- QL : Quản lý
- XN : Xí nghiệp
- TP : Thành phố
- DN : Doanh nghiệp
- CCDV : Cung cấp dịch vụ
- HĐKD : Hoạt động kinh doanh
- XD CB : Xây dựng cơ bản
- HĐLĐ : Hợp đồng lao động
- TS : Tài sản
- TSCĐ : Tài sản cố định
- TSLĐ : Tài sản lưu động
- KH : Kế hoạch
- HĐ : Hợp đồng
- GTDN : Giá trị doanh nghiệp

# PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

## I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

### 1. Thông tin chung về doanh nghiệp cổ phần hóa

- Tên tiếng Việt : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG ĐÀ NẴNG
- Tên tiếng Anh : DANANG PORT HOLDING LIMITED LIABILITY COMPANY
- Tên Viết Tắt : PORT OF DANANG
- Địa chỉ trụ sở chính : 26 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại : 0511.3821 114
- Fax : 0511.3822 565
- Website : [www.danangportvn.com](http://www.danangportvn.com)
- Logo :



- Giấy CNĐKKD : Số 0400101972 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký lần đầu ngày 01/4/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 20/3/2009

### 2. Quá trình thành lập và phát triển của Công ty

Một số mốc lịch sử quan trọng:

- Ngày 19/01/1976** Cảng Đà Nẵng được Bộ Giao thông Vận tải giao Cục đường biển trực tiếp quản lý tại Quyết định số 222-QĐ/TC.
- Ngày 15/6/1993** Thực hiện Nghị định số 388/HĐBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Giao thông Vận tải đã ra Quyết định số 1163/QĐ-TCLĐ thành lập doanh nghiệp Nhà nước Cảng Đà Nẵng trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam.
- Ngày 08/5/1998** Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 91/1998/QĐ-TTg chuyển Cảng Đà Nẵng làm thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.
- Ngày 12/10/2007** Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải đã ban hành Quyết định số 3089/QĐ-BGTVT về việc chuyển Cảng Đà Nẵng – Công ty

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng.

**Ngày 01/4/2008**

Cảng Đà Nẵng hoàn thành các thủ tục chuyển đổi và đăng ký kinh doanh, chính thức hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Cảng Đà Nẵng nằm trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng, một thành phố năng động đóng vai trò trung tâm về kinh tế - xã hội của miền Trung Việt Nam, với vị trí địa lý tự nhiên nằm trong Vịnh Đà Nẵng rộng 12 km<sup>2</sup>, độ sâu từ 10 – 17 mét, được bao bọc bởi núi Hải Vân và bán đảo Sơn Trà, kín gió cùng với đê chắn sóng dài 450 mét thuận lợi cho các tàu neo đậu và làm hàng quanh năm. Với lịch sử trên 100 năm hình thành và phát triển, hiện tại Cảng Đà Nẵng là cảng biển lớn nhất khu vực miền Trung Việt Nam. Hệ thống giao thông đường bộ nối liền giữa Cảng với Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Ga đường sắt, Vùng hậu phương rất rộng rãi và thông thoáng, thuận lợi trong việc xuất nhập hàng hóa cho khu vực. Hàng hóa xuất nhập thông qua Cảng, theo Quốc lộ 1A để đến các tỉnh phía Bắc và phía Nam của Thành phố, theo Quốc lộ 14B để đến các tỉnh Tây Nguyên và các nước Lào, Campuchia, Thái Lan.

Cảng Đà Nẵng bao gồm hai khu cảng chính là Xí nghiệp Cảng Tiên Sa và Xí nghiệp Cảng Sông Hàn, với 1.493 mét cầu bến, thiết bị xếp dỡ và các kho bãi hiện đại phục vụ cho năng lực khai thác của Cảng đạt 6 triệu tấn/năm.

Cảng Tiên Sa là cảng biển nước sâu tự nhiên, có độ sâu lớn nhất là 12 mét nước, chiều dài cầu bến là 965 mét, bao gồm 2 cầu nhô và 1 cầu liền bờ chuyên dụng khai thác container. Cảng Tiên Sa có khả năng tiếp nhận tàu hàng tổng hợp đến 40.000 DWT, tàu container đến 2.000 teus và tàu khách đến 75.000 GRT. Cảng Tiên Sa được coi là một trong số ít các cảng tại Việt Nam có điều kiện tự nhiên thuận lợi và tiềm năng để phát triển thành một cảng biển lớn.

Cảng Sông Hàn nằm ở hạ lưu Sông Hàn trong lòng Thành phố Đà Nẵng, chiều dài cầu bến là 528 mét, thuận lợi trong việc lưu thông hàng hóa nội địa.

Theo quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam, Cảng Đà Nẵng được xác định là một thương cảng lớn của khu vực. Trong đó, Cảng Tiên Sa có khu bến container với hệ thống kho bãi, đê chắn sóng, thiết bị chuyên dụng hiện đại, phục vụ giao thương hàng hóa và phát triển kinh tế, du lịch cho vùng hậu phương gồm các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan thông qua tuyến hành lang kinh tế Đông Tây. Cảng Đà Nẵng còn được xác định là một trong những cửa ngõ chính ra biển Đông của tiểu vùng Mê Kông (Great MeKong Subregion - GMS).

Hệ thống Khai thác và quản lý Cảng đã được đơn vị BV - Vương quốc Anh công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2000, mọi hoạt động của Cảng đều định hướng vào những lợi ích thiết

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

thực của khách hàng. Hiện nay, Cảng Đà Nẵng đang từng bước triển khai áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo chuẩn ISO 14001:2010 để bảo vệ môi trường, một trong những yếu tố quan trọng để phát triển bền vững.

Với việc năng động tìm kiếm khách hàng, xây dựng mạng lưới đối tác, đẩy mạnh nghiên cứu cũng như phát triển thị trường, thương hiệu Cảng Đà Nẵng dần dần được xác lập trong ngành hàng hải Việt Nam và khu vực. Lượng hàng qua cảng Đà Nẵng không ngừng tăng lên: Nếu năm 1994, sản lượng hàng hoá thông qua Cảng Đà Nẵng đạt 500.000 tấn, thì năm 2004 là 2.308.973 tấn và năm 2013 đạt 5.010.238 tấn. Đối với container, nếu năm 1996, sản lượng container chỉ là 8.200 Teus, đến năm 2006 là 37.404 Teus và đã đạt con số 167.447 Teus vào năm 2013.

Với những thành tích đạt được, Cảng Đà Nẵng đã vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng ba, Huân chương lao động hạng nhì, Huân chương lao động hạng nhất, Huân chương độc lập hạng ba, Huân chương độc lập hạng nhì. Đây là phần thưởng ghi nhận công lao đóng góp, sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ công nhân viên Cảng Đà Nẵng, đồng thời cũng giúp Cảng Đà Nẵng vững tin hơn cho một tương lai tươi sáng, vững bước trên con đường phát triển trở thành một trong những cảng biển hiện đại hàng đầu của cả nước cũng như khu vực.

### 3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế số 0400101972 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 20/3/2009, ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng;
- Bốc xếp, bảo quản và giao nhận hàng hóa;
- Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan;
- Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển, vận tải đa phương thức;
- Lai dắt hỗ trợ tàu biển;
- Sửa chữa phương tiện vận tải;
- Xây dựng và sửa chữa công trình loại vừa và nhỏ;
- Kinh doanh dịch vụ hàng hải;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại và dịch vụ khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cho thuê văn phòng, bất động sản;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu.

# PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

- Kinh doanh xăng dầu.

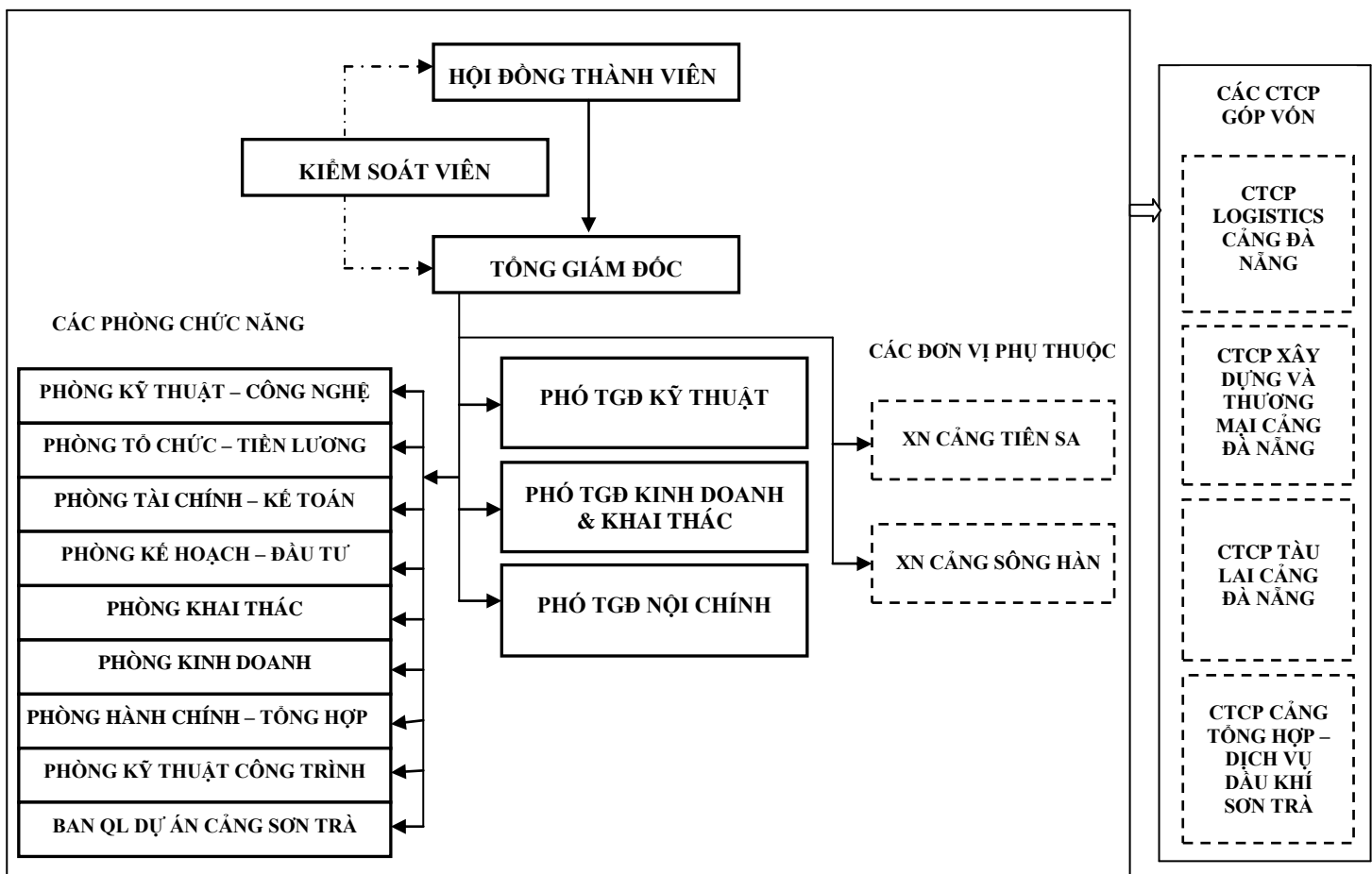
## 4. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu

Hoạt động chính của Cảng Đà Nẵng bao gồm:

- Kinh doanh, khai thác cảng biển;
- Kinh doanh khai thác kho, bãi, vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ: Lai dắt, hỗ trợ tàu ra vào cảng; Dịch vụ đại lý vận tải, sửa chữa phương tiện vận tải và container; Dịch vụ tàu khách; Cung ứng các dịch vụ chủ tàu và khách hàng qua cảng; Cung ứng xăng dầu; Cấp nước cho tàu biển và các dịch vụ sau hậu cần cảng khác.

## 5. Cơ cấu tổ chức Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng trước cổ phần hóa

### SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA



(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng)

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Ghi chú: —————> Quan hệ hành chính

- - - - -> Quan hệ giám sát

=====> Quan hệ đầu tư vốn

Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý, giám sát, điều hành của Công ty theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, gồm: Hội đồng thành viên; Kiểm soát viên; Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc.

- Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng hiện có 02 đơn vị hạch toán phụ thuộc gồm:
  - + **Xí nghiệp Cảng Tiên Sa**  
Địa chỉ: Số 01 Yết Kiêu, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.
  - + **Xí nghiệp Cảng Sông Hàn**  
Địa chỉ: Số 05 Bạch Đằng, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
- Tại thời điểm xây dựng phương án cổ phần hóa, Tổ chức bộ máy và biên chế của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng là: 620 người. Bố trí nhân sự và chức năng của các phòng ban, bộ phận của Công ty như sau:
  - + **Hội đồng thành viên:** Hội đồng thành viên Cảng Đà Nẵng hiện tại gồm 05 (năm) thành viên, trong đó gồm 01 Chủ tịch Hội đồng thành viên và 04 thành viên Hội đồng thành viên. Hội đồng thành viên thực hiện chức năng đại diện theo ủy quyền của Chủ sở hữu nhà nước, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quản lý và hoạt động của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ sở hữu nhà nước. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu nhà nước về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty.
  - + **Ban điều hành:** Gồm 01 (một) Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch HĐQT và 03 (ba) Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT.
    - **Tổng giám đốc:** là người đại diện theo pháp luật của Công ty, Tổng giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, các dự án đầu tư của Công ty do Chủ sở hữu nhà nước, Hội đồng thành viên quyết định; quyết định các dự án đầu tư do Hội



## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

đồng thành viên phân cấp... Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và pháp luật về điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- **Phó Tổng giám đốc:** Giúp việc Tổng giám đốc Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.
- + **Kiểm soát viên:** Gồm 03 (ba) Kiểm soát viên do Chủ sở hữu nhà nước tuyển chọn và bổ nhiệm, trong đó có 01 (một) Kiểm soát viên chuyên trách và 02 (hai) Kiểm soát viên kiêm nhiệm. Kiểm soát viên thực hiện chức năng thay mặt Chủ sở hữu nhà nước để kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- + Các phòng, ban chức năng, đơn vị trực thuộc:
  - **Phòng Kỹ thuật – Công nghệ:** Gồm 03 (ba) CBCNV, thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về các lĩnh vực: Kỹ thuật cơ khí và công nghệ xếp dỡ, giúp cho công tác quản lý kỹ thuật các phương tiện thiết bị, công cụ xếp dỡ, hệ thống điện hiện có tại Cảng Đà Nẵng đúng kỹ thuật, đạt tính an toàn, tiết kiệm và hiệu quả trong sử dụng, đáp ứng nhu cầu sản xuất và yêu cầu cơ giới hóa, hiện đại hóa ngày càng cao.
  - **Phòng Tổ chức – Tiền lương:** Gồm 05 (năm) CBCNV, trong đó có 01 (một) Kiểm soát viên, thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về các lĩnh vực: Tổ chức bộ máy quản lý; Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo và tuyển dụng CBCNV; Thanh tra; Bảo vệ chính trị nội bộ; Quản lý lao động và tiền lương đảm bảo tính hợp lý, phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty; Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh; công tác phòng cháy chữa cháy; bảo hộ lao động; môi trường; Phổ biến, triển khai thực hiện chủ trương, chính sách của Nhà nước và của Cảng Đà Nẵng đối với CBCNV.
  - **Phòng Tài chính – Kế toán:** Gồm 07 (bảy) CBCNV, thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về lĩnh vực quản lý kinh tế tài chính của Cảng Đà Nẵng bao gồm: Tổ chức, kiểm tra, tính toán, thống kê và quản lý việc sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, nhằm bảo đảm quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh của Công ty, trên cơ sở tuân thủ các chế độ, nguyên tắc luật pháp của Nhà nước.

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

- **Phòng Kế hoạch – Đầu tư:** Gồm 05 (năm) CBCNV, trong đó có 01 (một) Thành viên Hội đồng thành viên, thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về các lĩnh vực: Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và giao kế hoạch cho các đơn vị phụ thuộc Công ty; Lập đề án và luận chứng Kinh tế kỹ thuật cho việc đầu tư phát triển; Tìm đối tác xây dựng và trình duyệt hợp đồng kinh tế về lĩnh vực đầu tư và sửa chữa; Kiểm tra, lập phương án thanh lý tài sản; Tổ chức công tác thống kê, mạng vi tính trong toàn Công ty; Tổng kết, phân tích, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh; Thực hiện công việc mua sắm, quản lý, cấp phát những vật tư, phụ tùng chủ yếu được giao.
- **Phòng Khai thác:** Gồm 05 (năm) CBCNV, thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về các lĩnh vực: Bố trí cầu bến, điều động các tàu ra vào Cảng Đà Nẵng; Điều phối nhân lực, phương tiện và công cụ bốc xếp theo yêu cầu sản xuất của Công ty và các Đơn vị phụ thuộc Công ty; Lập kế hoạch khai thác tổng thể và theo dõi hỗ trợ các Đơn vị phụ thuộc Công ty có liên quan thực hiện tốt các kế hoạch khai thác.
- **Phòng Kinh doanh:** Gồm 09 (chín) CBCNV, thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về các lĩnh vực kinh doanh, thị trường bao gồm: Điều tra, nghiên cứu thị trường, nắm bắt nhu cầu phát triển kinh tế của vùng hậu phương và nhu cầu của khách hàng, đề xuất chiến lược tiếp thị và kinh doanh; quan hệ PR; Đề xuất ký kết, theo dõi thực hiện và thanh lý các hợp đồng kinh tế trong lĩnh vực bốc xếp, giao nhận, bảo quản hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thu hút, lôi cuốn nguồn hàng thông qua Cảng Đà Nẵng ngày càng tăng.
- **Phòng Hành chính – Tổng hợp:** Gồm 11 (mười một) CBCNV, trong đó có 01 (một) Kiểm soát viên, thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc về các lĩnh vực: Hành chính, quản trị, đối ngoại, thi đua, tuyên truyền.
- **Phòng Kỹ thuật Công trình:** Gồm 03 (ba) CBCNV, thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về các lĩnh vực: Quản lý việc đầu tư xây dựng và giám sát kỹ thuật các công trình xây dựng cơ bản; các công trình duy tu, bảo dưỡng: cầu tàu, bến bãi, kho tàng. Theo dõi, đề xuất kế hoạch nạo vét bến, nạo vét luồng lạch trên các tuyến luồng để đảm bảo công tác khai thác của Cảng Đà Nẵng thuận lợi, an toàn, đạt hiệu quả đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

- **Ban Quản lý Dự án Cảng Sơn Trà:** Gồm 01 (một) CBCNV, thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc về lĩnh vực: Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý quá trình đầu tư xây dựng các hạng mục của dự án Cảng Sơn Trà.
  - **Xí nghiệp Cảng Tiên Sa:** Gồm 400 (bốn trăm) CBCNV. Xí nghiệp Cảng Tiên Sa là đơn vị phụ thuộc, trực thuộc Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng, tổ chức hạch toán kinh doanh theo phân cấp của Cảng Đà Nẵng, được sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản tại các Ngân hàng trong nước. Xí nghiệp Cảng Tiên Sa được chủ động thực hiện các hoạt động kinh doanh theo phân cấp của Công ty, chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp với Công ty. Xí nghiệp Cảng Tiên Sa có các ngành nghề kinh doanh chủ yếu như sau: Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng; Bốc xếp, bảo quản và giao nhận hàng hóa; Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan; Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển, vận tải đa phương thức; Sửa chữa phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ hàng hải; Kinh doanh dịch vụ thương mại và dịch vụ khác; và các ngành nghề kinh doanh khác theo phân cấp của Công ty.
  - **Xí nghiệp Cảng Sông Hàn:** Gồm 165 (một trăm sáu mươi lăm) CBCNV. Xí nghiệp Cảng Sông Hàn đơn vị phụ thuộc, trực thuộc Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng, tổ chức hạch toán kinh doanh theo phân cấp của Cảng Đà Nẵng, được sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản tại các Ngân hàng trong nước. Xí nghiệp Cảng Sông Hàn được chủ động thực hiện các hoạt động kinh doanh theo phân cấp của Công ty, chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp với Công ty. Xí nghiệp Cảng Sông Hàn có các ngành nghề kinh doanh chủ yếu như sau: Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng; Bốc xếp, bảo quản và giao nhận hàng hóa; Kinh doanh kho bãi; Đại lý vận tải hàng hóa, đại lý tàu biển, vận tải đa phương thức; Sửa chữa phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ hàng hải; Kinh doanh dịch vụ thương mại và dịch vụ khác; và các ngành nghề kinh doanh khác theo phân cấp của Công ty.
- + **Tổ chức Đảng, Đoàn thể:** Công ty có Văn phòng Đảng ủy (gồm 01 (một) cán bộ chuyên trách) và Văn phòng Công đoàn, Văn phòng Đoàn thanh niên.

### 6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần

Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần là: 574 người với cơ cấu như sau:

# PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

**Bảng 1: Cơ cấu lao động chuyển sang công ty cổ phần**

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ %
<b>Tổng số lao động</b>	<b>574 người</b>	<b>100%</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phân theo trình độ lao động:</b>		
- Lao động có trình độ đại học và trên đại học	128 người	22,30%
- Lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp	17 người	2,96%
- Lao động đã được đào tạo qua các trường công nhân kỹ thuật, dạy nghề	429 người	74,74%
- Lao động chưa qua đào tạo	0 người	0%
<b>Phân theo tính chất hợp đồng lao động:</b>		
- Lao động thuộc diện không ký hợp đồng lao động	06 người	1,05%
- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	292 người	50,87%
- Lao động làm việc theo HĐLĐ có thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	276 người	48,08%

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng và Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng đã được phê duyệt)

## 7. Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 93/QĐ-HHVN ngày 28/3/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng, giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 24h ngày 30/9/2013 của Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng để cổ phần hóa như sau:

- **Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa: 949.682.874.209 đồng.**

(Bằng chữ: Chín trăm bốn mươi chín tỷ, sáu trăm tám mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi tư nghìn, hai trăm linh chín đồng).

Trong đó:

**Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là: 654.588.730.621 đồng.**

(Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi tư tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu, bảy trăm ba mươi nghìn, sáu trăm hai mươi một đồng).

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 24h ngày 30/9/2013 của Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng được trình bày chi tiết ở bảng sau:

**Bảng 2: Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 24h ngày 30/9/2013**

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số liệu theo sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4) – (3)
<b>A</b>	<b>Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)</b>	<b>775.393.079.070</b>	<b>949.682.874.209</b>	<b>174.289.795.139</b>
<b>I</b>	<b>TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>	<b>490.897.235.758</b>	<b>590.665.140.571</b>	<b>99.767.904.813</b>
1	Tài sản cố định	273.100.253.003	369.112.158.255	96.011.905.252
<i>a</i>	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	272.410.252.997	368.422.158.249	96.011.905.252
<i>b</i>	<i>Tài sản cố định vô hình</i>	690.000.006	690.000.006	0
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	175.297.334.000	178.541.053.660	3.243.719.660
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	42.498.638.762	42.498.638.762	0
4	Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	0	0	0
5	Chi phí trả trước dài hạn	1.009.993	513.289.893	512.279.900
<b>II</b>	<b>TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>256.328.526.916</b>	<b>257.016.552.116</b>	<b>688.025.200</b>
1	Tiền	97.747.245.446	97.747.245.446	0
<i>a</i>	<i>Tiền mặt tồn quỹ</i>	386.566.800	386.566.800	0
<i>b</i>	<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	97.360.678.646	97.360.678.646	0
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0
3	Các khoản phải thu	147.235.196.604	147.235.196.604	0
4	Vật tư hàng hóa tồn kho	4.582.781.199	4.582.781.199	0
5	TSLĐ khác	6.763.303.667	7.451.328.867	688.025.200
6	Chi phí sự nghiệp	0	0	0
<b>III</b>	<b>Giá trị lợi thế kinh doanh</b>	<b>0</b>	<b>1.441.010.535</b>	<b>1.441.010.535</b>

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số liệu theo sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4) - (3)
	<b>của DN</b>			
<b>IV</b>	<b>Giá trị Quyền sử dụng đất</b>	<b>28.167.316.396</b>	<b>100.560.170.987</b>	<b>72.392.854.591</b>
<b>B</b>	<b>Tài sản không cần dùng</b> (Chỉ ghi giá trị còn lại theo sổ sách kế toán)	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Tài sản cố định	0	0	0
	Trong đó: TS đầu tư = Quỹ khen thưởng + Quỹ phúc lợi	0	0	0
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	0	0
4	Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	0	0	0
<b>II</b>	<b>TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Công nợ không có khả năng thu hồi	0	0	0
2	Vật tư hàng hóa ứ đọng, kém, mất phẩm chất	0	0	0
<b>C</b>	<b>Tài sản chờ thanh lý</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II</b>	<b>TSLĐ và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>D</b>	<b>Tài sản hình thành từ Quỹ Khen thưởng phúc lợi</b> (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)</b>	<b>775.393.079.070</b>	<b>949.682.874.209</b>	<b>174.289.795.139</b>

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số liệu theo sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4) – (3)
	<i>Trong đó:</i>			
	<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)</b>	<b>775.393.079.070</b>	<b>949.682.874.209</b>	<b>174.289.795.139</b>
<b>E1</b>	<b>Nợ thực tế phải trả</b>	<b>295.094.143.588</b>	<b>295.094.143.588</b>	<b>0</b>
	Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	0	0	0
<b>E2</b>	<b>Nguồn kinh phí sự nghiệp</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>TỔNG GIÁ TRỊ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP {A-(E1+E2)}</b>	<b>480.298.935.482</b>	<b>654.588.730.621</b>	<b>174.289.795.139</b>

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng)

### - Các vấn đề cần tiếp tục xử lý:

- + Số liệu trên báo cáo tài chính tại thời điểm 24h ngày 30/9/2013 của Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng chưa được kiểm toán và cũng chưa được cơ quan Thuế kiểm tra quyết toán thuế đến 30/9/2013. Trường hợp các số liệu trên có thay đổi khi có kết quả kiểm tra của các cơ quan chức năng thì được điều chỉnh vào kết quả sản xuất kinh doanh từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.
- + Đối với khoản trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là 5.327.670.021 đồng, do đặc thù tài sản thiết bị của Công ty có giá trị lớn và chưa kết thúc niên độ kế toán nên tạm tính theo sổ sách kế toán. Bên cạnh đó Khoản lợi nhuận chưa phân phối từ khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ Công ty hạch toán trên tài khoản phải trả khác 22.539.526.411 đồng, thực tế người lao động và chủ sở hữu chưa được sử dụng, tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (30/9/2013) chưa có văn bản hướng dẫn xử lý cụ thể nên tạm thời theo dõi ở tài khoản phải trả. Đến ngày 09/5/2014 Bộ Tài chính đã có văn bản số 6013/BTC-TCDN trả lời công văn số 631/HHVN-KT ngày 11/3/2014 của Tổng Công ty

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Hàng hải Việt Nam về việc đề nghị hướng dẫn xử lý đối với khoản trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và lãi chênh lệch tỷ giá nêu trên, theo đó Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

- Về xử lý đối với khoản trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định: Trường hợp doanh nghiệp có khoản trích trước chi phí sửa chữa lớn mà đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa vẫn chưa sử dụng hoặc không sử dụng hết thì tùy theo thời điểm xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp phải hoàn nhập và tính vào thu nhập khác để xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế hoặc điều chỉnh giảm chi phí theo quy định.
- Về phân phối lợi nhuận đối với khoản lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh từ đánh giá lại số dư gốc ngoại tệ cuối kỳ: Xử lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần, cụ thể: Khoản chênh lệch tỷ giá được dùng để bù đắp các tổn thất theo quy định hiện hành, số còn lại tính vào giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa.

Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng có trách nhiệm tiếp tục theo dõi và phối hợp với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam để xử lý khoản chi phí trích trước sửa chữa lớn và khoản lợi nhuận phát sinh do chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật.

- + Các công nợ phải thu đã đối chiếu 146.992.492.539 đồng (chiếm 99,84% so với giá trị sổ sách), công nợ phải trả đã đối chiếu 160.269.768.744 đồng (chiếm 99,92% so với giá trị sổ sách), Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng có trách nhiệm tiếp tục thực hiện đối chiếu công nợ chưa được đối chiếu để phục vụ công tác chuyển đổi chính thức thành Công ty cổ phần theo quy định.
- + Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng có trách nhiệm bàn giao cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam các tài sản không cần dùng, tài sản chờ thanh lý, các khoản nợ đã được xử lý bằng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng rủi ro, dự phòng nghiệp vụ, ... đang được theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán, trong khi chưa bàn giao, Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng tiếp tục theo dõi, bảo quản để không xảy ra mất mát tài sản của Nhà nước. Đối với tài sản không cần dùng là 04 kè, đập khu vực cảng biển Đà Nẵng (trị giá 779.228.553 đồng), Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng có trách nhiệm phối hợp với Cục Hàng hải Việt Nam và các đơn vị liên quan để hoàn thành việc chuyển giao theo hướng dẫn của Bộ Giao thông Vận tải và Cục Hàng hải Việt Nam.



## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

**Bảng 3: Tài sản cố định không cần dùng chờ thanh lý**

Stt	Tên tài sản	Năm bắt đầu sử dụng	Giá trị sổ sách		
			Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	B	C	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)
<b>Thiết bị dụng cụ quản lý</b>					
1	Máy Sever HP ML 350T	01/06/2005	40.583.680	40.583.680	0
2	Mạng vô tuyến băng rộng Canopy	01/12/2007	31.989.917	31.989.917	0
3	Máy photocopy màu P.HCTH	01/06/2000	44.879.000	44.879.000	0
4	Máy photocopy nhận lại của XN Thủy	14/09/2002	30.018.400	30.018.400	0
5	Mạng vô tuyến băng rộng Canopy	01/12/2007	31.989.917	31.989.917	0
<b>Tổng cộng</b>			<b>179.460.914</b>	<b>179.460.914</b>	<b>0</b>

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng)

**Bảng 4: Tài sản cố định không cần dùng chờ chuyển giao**

Stt	Tên tài sản	Năm bắt đầu sử dụng	Giá trị sổ sách		
			Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	B	C	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)
<b>Nhà cửa, vật kiến trúc trên đất</b>					
1	Đập Nam Bắc	1975	472.228.553	472.228.553	0
2	Đập xiên	1975	94.450.000	94.450.000	0
3	Đập Tây Bắc	1975	165.300.000	165.300.000	0
4	Đập kè số 1	1975	47.250.000	47.250.000	0
<b>Tổng cộng</b>			<b>779.228.553</b>	<b>779.228.553</b>	<b>0</b>

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng)

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 30/9/2013 cho đến nay, Cảng Đà Nẵng đã đầu tư tăng thêm 51,6 tỷ đồng tài sản cố định, trong đó giá trị đầu tư lớn nhất là 2 cầu chân đế di động Lieherr 25 tấn tại bến 3 Cảng Tiên Sa với số tiền gần 47,4 tỷ đồng đã đi vào hoạt động trong tháng 11 năm 2013 và bãi bách hóa Cảng Tiên Sa với số tiền đầu tư 4,1 tỷ đồng. Các thay đổi về tài sản nêu trên và các tồn tại về tài chính trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần sẽ được xử lý theo quy định của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần và các quy định của pháp luật có liên quan.

### 8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

#### 8.1. Tình hình đất đai

Tại thời điểm 24h ngày 30 tháng 09 năm 2013 và tính đến hiện nay, Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng đang quản lý tổng diện tích là 179.086 m<sup>2</sup> trong đó tổng diện tích đất giao là: 2.941 m<sup>2</sup>, tổng diện tích đất thuê là: 176.145 m<sup>2</sup>.

Các khu đất hiện tại Công ty đang quản lý và sử dụng như sau:

**Bảng 5: Tình hình đất đai**

Tên lô	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mục đích sử dụng hiện tại	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa	Hình thức (giao, thuê)	Hồ sơ pháp lý
<b>Khu đất số 1</b>	Lô A1-5 đường Bạch Đằng (nay là đường Như Nguyệt) nối dài thuộc dự án khu vực ven sông Hàn (đoạn từ đường Đống Đa đến chân cầu Thuận Phước), phường Thuận Phước, quận Hải Châu, TP	424,6	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (đang sử dụng làm bãi đậu xe).	Dự kiến xây dựng trung tâm Hàng Hải tại miền Trung	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA 645995, số vào sổ cấp GCN: CT02013 ngày 17/01/2011 của UBND thành phố Đà Nẵng cấp

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Tên lô	Địa điểm	Diện tích (m2)	Mục đích sử dụng hiện tại	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa	Hình thức (giao, thuê)	Hồ sơ pháp lý
	Đà Nẵng					
<b>Khu đất số 2</b>	26 Bạch Đằng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	1.011,1	Đất ở tại đô thị (đang sử dụng làm văn phòng làm việc)	Tiếp tục sử dụng làm văn phòng làm việc	- Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BI 143313, số vào sổ cấp GCN: CT12609 ngày 26/03/2012 của UBND thành phố Đà Nẵng cấp
<b>Khu đất số 3</b>	Tổ 27 phường Thuận Phước, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng (Lô đất sau lưng lô đất A1-5 đường Như Nguyệt)	116,4	Đất ở tại đô thị (đang sử dụng làm bãi đậu xe).	Dự kiến sát nhập với lô đất A1 – 5 đường Như Nguyệt để xây dựng trung tâm Hàng Hải tại Miền Trung	Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AM 612397, số vào sổ cấp GCN: T04243 ngày 11/11/2009 của UBND thành phố Đà Nẵng cấp
<b>Khu đất số 4</b>	18 Trần Phú, P. Thạch Thang, Q.Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	1.388,9	- Đất ở tại đô thị: 1.019,5 m2 - Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh: 369,4 m2. - Cho thuê mặt	Sử dụng vào mục đích kinh doanh nhà hàng	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA 645035, số vào sổ cấp GCN: CT00968 ngày 22/07/2010 của UBND thành

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Tên lô	Địa điểm	Diện tích (m2)	Mục đích sử dụng hiện tại	Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa	Hình thức (giao, thuê)	Hồ sơ pháp lý
			băng kinh doanh nhà hàng			phố Đà Nẵng cấp
<b>Khu đất số 5 (Khu đất Cảng Tiên Sa)</b>	Tại phường Thọ Quang, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng	176.145	Khai thác dịch vụ Cảng biển	Khai thác dịch vụ Cảng biển	Diện tích đất được Nhà nước cho thuê thời hạn 50 năm (từ 2007 đến 2057)	- Hợp đồng thuê đất số 417/HĐ-ĐĐ ngày 07 tháng 8 năm 2007 giữa UBND thành phố Đà Nẵng với Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng  - Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 13/4/2007 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc cho phép Cảng Đà Nẵng thuê đất theo hiện trạng sử dụng

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng và Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng đã được phê duyệt)

Sau khi cổ phần hóa Cảng Đà Nẵng sẽ tiếp tục sử dụng các diện tích đất nêu trên theo phương án sử dụng đất đã được UBND Thành phố Đà Nẵng phê duyệt.

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

**Bảng 6: Tính giá trị quyền sử dụng đất giao vào giá trị doanh nghiệp**

STT	Địa chỉ lô đất	Giá trị theo sổ sách	Giá trị xác định lại tính vào GTDN	Chênh lệch
1	Lô A1-5 đường Bạch Đằng	3.116.626.599	13.824.976.000	10.708.349.401
2	26 Bạch Đằng	19.752.986.825	49.514.240.000	29.761.253.175
3	Tổ 27, phường Thuận Phước	1.789.552.987	1.789.552.987	0
4	18 Trần Phú	3.508.149.985	35.431.402.000	31.923.252.015
	<b>Tổng cộng</b>	<b>28.167.316.396</b>	<b>100.560.170.987</b>	<b>72.392.854.591</b>

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng)

### 8.2. Thực trạng tài sản

Tổng giá trị còn lại của tài sản theo sổ sách kế toán của Công ty tại thời điểm ngày 30/9/2013 là 775.393.079.070 đồng, với danh mục như sau:

**Bảng 7: Danh mục tài sản của Cảng Đà Nẵng tại 30/9/2013**

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại của Tài sản theo sổ sách kế toán	Cơ cấu tài sản theo giá trị còn lại (%)
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN ĐANG DÙNG</b>	<b>1.131.844.283.593</b>	<b>775.393.079.070</b>	<b>100,00%</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>	<b>875.515.756.677</b>	<b>519.064.552.154</b>	<b>66,94%</b>
<b>1</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>625.137.058.847</b>	<b>272.410.252.997</b>	<b>35,13%</b>
a	Nhà cửa, vật kiến trúc	244.970.039.926	133.281.301.322	17,19%
b	Máy móc, thiết bị	272.646.794.094	122.457.747.335	15,79%
c	Phương tiện vận tải	95.974.168.644	16.403.812.808	2,12%
d	Thiết bị dụng cụ quản lý	9.198.462.545	175.980.663	0,02%

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại của Tài sản theo sổ sách kế toán	Cơ cấu tài sản theo giá trị còn lại (%)
e	Tài sản cố định hữu hình khác	2.347.593.638	91.410.869	0,01%
<b>2</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>32.581.715.075</b>	<b>28.857.316.402</b>	<b>3,72%</b>
a	Giá trị Quyền sử dụng đất	30.279.615.075	28.167.316.396	3,63%
b	Tài sản cố định vô hình khác	2.302.100.000	690.000.006	0,09%
<b>3</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>42.498.638.762</b>	<b>42.498.638.762</b>	<b>5,48%</b>
<b>4</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>175.297.334.000</b>	<b>175.297.334.000</b>	<b>22,61%</b>
<b>5</b>	<b>Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>
<b>6</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.009.993</b>	<b>1.009.993</b>	<b>0,0001%</b>
<b>II</b>	<b>Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>	<b>256.328.526.916</b>	<b>256.328.526.916</b>	<b>33,06%</b>
<b>1</b>	<b>Tiền</b>	<b>97.747.245.446</b>	<b>97.747.245.446</b>	<b>12,61%</b>
a	Tiền mặt tại quỹ	386.566.800	386.566.800	0,05%
b	Tiền gửi ngân hàng	97.360.678.646	97.360.678.646	12,56%
<b>2</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>
<b>3</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>147.235.196.604</b>	<b>147.235.196.604</b>	<b>18,99%</b>
a	Phải thu khách hàng	53.998.281.589	53.998.281.589	6,96%
b	Trả trước người bán	3.773.127.459	3.773.127.459	0,49%
c	Phải thu nội bộ	0	0	0,00%
d	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	0	0	0,00%
e	Các khoản phải thu khác	89.463.787.556	89.463.787.556	11,54%

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại của Tài sản theo sổ sách kế toán	Cơ cấu tài sản theo giá trị còn lại (%)
f	Dự phòng phải thu khó đòi	0	0	0,00%
<b>4</b>	<b>Vật tư hàng hóa tồn kho</b>	<b>4.582.781.199</b>	<b>4.582.781.199</b>	<b>0,59%</b>
a	Nguyên vật liệu tồn kho	3.968.726.141	3.968.726.141	0,51%
b	Công cụ dụng cụ tồn kho	406.188.874	406.188.874	0,05%
c	Hàng hóa	207.866.184	207.866.184	0,03%
d	Chi phí sản xuất dở dang	0	0	0,00%
e	Thành phẩm	0	0	0,00%
f	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	0	<b>0,00%</b>
<b>5</b>	<b>Tài sản lưu động khác</b>	<b>6.763.303.667</b>	<b>6.763.303.667</b>	<b>0,87%</b>
a	Chi phí trả trước ngắn hạn	874.874.781	874.874.781	0,11%
-	<i>Chi phí chờ phân bổ</i>	<i>874.874.781</i>	<i>874.874.781</i>	<i>0,11%</i>
-	<i>Công cụ dụng cụ</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0,00%</i>
b	Thuế GTGT được khấu trừ	4.880.714.986	4.880.714.986	0,63%
c	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	0	0	0,00%
d	Tài sản ngắn hạn khác	1.007.713.900	1.007.713.900	0,13%
e	Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	0	0	0,00%
<b>6</b>	<b>Chi sự nghiệp</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>
<b>III</b>	<b>Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>
<b>B</b>	<b>Tài sản không cần dùng</b>	<b>958.689.467</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>
<b>C</b>	<b>Tài sản chờ thanh lý</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.132.802.973.060</b>	<b>775.393.079.070</b>	<b>100,00%</b>

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng)

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

### 9. Chủ sở hữu Công ty và Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh của Công ty

#### 9.1. Chủ sở hữu Công ty

Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam là Chủ sở hữu, nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng.

#### 9.2. Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh của Công ty

Danh sách công ty con và công ty liên kết, liên doanh hiện tại của Cảng Đà Nẵng như sau:

**Bảng 8: Danh sách công ty con của Cảng Đà Nẵng**

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực HĐKD chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Vốn góp của Cảng Đà Nẵng	
					Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %
1	CTCP Logistics Cảng Đà Nẵng	Số 45 Yết Kiêu, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng	Dịch vụ logistics (Giao nhận, vận tải hàng hóa)	30.000	15.651	52,17%
2	CTCP Xây dựng và Thương mại Cảng Đà Nẵng	Số 17 Nguyễn Du, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	Xây dựng công trình cảng, bến cảng vừa và nhỏ	10.000	5.100	51,00%
3	CTCP Tàu lai Cảng Đà Nẵng	Số 02 đường 3/2, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	Dịch vụ đại lý tàu biển. Lai dắt, hỗ trợ tàu biển, cứu hộ, cứu nạn	25.000	15.000	60,00%

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng)



## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

**Bảng 9: Danh sách công ty liên kết, liên doanh của Cảng Đà Nẵng**

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực HĐKD chính	Vốn điều lệ thực góp (triệu đồng)	Vốn góp của Cảng Đà Nẵng	
					Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ %
1	CTCP Cảng tổng hợp – Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà	Số 11 đường 3/2, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	Bốc xếp hàng hóa, kinh doanh kho bãi và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí	250.000	125.000	50,00%

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng)

### 10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa

#### 10.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

##### 10.1.1. Đánh giá hiệu quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng trong giai đoạn 2011 đến nay

Cuộc khủng hoảng nợ Châu Âu lan rộng kể từ năm 2008 và ngày càng trầm trọng đã khiến cho nền kinh tế thế giới có nhiều sự bất ổn, GDP của hầu hết các nước đều giảm mạnh. Nền kinh tế Việt Nam cũng bị ảnh hưởng đáng kể trong quá trình hồi phục sau khủng hoảng. Đặc biệt giai đoạn 2011 – 2012 được xem là giai đoạn đầy khó khăn cả trên phương diện kinh tế vĩ mô và góc độ vi mô ngành, doanh nghiệp. Trong giai đoạn này, hầu hết các doanh nghiệp trên cả nước đều chịu tác động mạnh của cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu và phải đối mặt với những thách thức nội tại của nền kinh tế. Bước sang năm 2013 nền kinh tế đã có nhiều chuyển biến tích cực và có tín hiệu phục hồi nhưng tốc độ tăng trưởng vẫn chưa cao (Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2013 tăng 5,42% so với năm 2012, thấp hơn mục tiêu đề ra là 5,5%), trong đó khu vực dịch vụ tiếp tục là khu vực đóng góp chủ yếu vào mức tăng trưởng chung của nền

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

kinh tế. Hoạt động kinh tế của Thành phố Đà Nẵng trong năm 2013 bắt đầu có nhiều khởi sắc: kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu đều tăng, hoạt động du lịch tăng trưởng tốt, hoạt động vận tải được tăng cường và đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa,...

Trước diễn biến chung của nền kinh tế, trong giai đoạn từ năm 2011 đến nay, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng còn phải chịu áp lực trước những khó khăn riêng: thị trường bốc xếp chủ yếu của Cảng Đà Nẵng là miền Trung, Tây Nguyên, hành lang kinh tế Đông Tây thực chất vẫn là thị trường tiềm năng, lượng hàng hóa còn ít và vẫn chia sẻ với các cảng khu vực, chủ trương di dời Cảng Sông Hàn ra khỏi thành phố, áp lực về vốn vay đầu tư Cảng Tiên Sa giai đoạn 1 từ nguồn vốn ODA,... Tuy nhiên, với quyết tâm phấn đấu, lãnh đạo và toàn thể CBCNV Cảng Đà Nẵng đã đặt nhiều tâm huyết và công sức cho sự phát triển Cảng, nhiều giải pháp đã được đặt ra như: tập trung quảng bá, nâng cấp hình ảnh thương hiệu Cảng Đà Nẵng, không ngừng nghiên cứu thị trường, nắm bắt và xử lý thông tin kịp thời nhằm đưa ra những chương trình, chính sách hiệu quả, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng hiện tại, thu hút những nguồn hàng và khách hàng mới; đa dạng hóa và hoàn thiện các dịch vụ cho khách hàng, tập trung cho các dịch vụ sau hậu cần cảng, logistics, ứng dụng phần mềm quản lý Catos và Ctos, nâng cao năng suất cũng như chất lượng dịch vụ,.. Bên cạnh đó, với chiến lược tập trung phát triển hàng container để tăng hiệu quả kinh doanh, đẩy mạnh công tác tiếp thị để duy trì và phát triển thị phần, hoàn thiện công tác tổ chức quản lý khai thác; nâng cấp cầu 2 Tiên Sa, đầu tư mới thiết bị bốc xếp, xây dựng Cảng Sơn Trà, Trung tâm logistics... hoạt động kinh doanh khai thác cảng biển tiếp tục duy trì được sự ổn định và có bước phát triển. Cụ thể:

**Năm 2011:** Đứng trước khó khăn về chi phí đầu vào liên tục tăng, áp lực trả lãi vay cho dự án nâng cấp Cảng Tiên Sa bằng nguồn vốn vay ODA với sự biến động tỷ giá ngày càng cao, nhằm đảm bảo được hiệu quả kinh doanh năm 2011, Cảng Đà Nẵng tiếp tục đặt ra mục tiêu thực hiện có hiệu quả trong việc tiết kiệm chi phí, tiếp tục thực hiện cơ chế khoán cho các đơn vị trực thuộc nhằm phát huy tính chủ động sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng dịch vụ và tăng thu nhập của người lao động, thực hiện và quản lý tốt Tài sản, vật tư, tiền vốn, các khoản thu chi, công nợ nội bộ v.v..., tăng cường vai trò kiểm toán nhằm hỗ trợ, nâng cao công tác quản lý tài chính doanh nghiệp, quản lý đầu tư XD CB. Kết thúc năm 2011, Sản lượng hàng hóa qua Cảng đạt 3.868.000 Tấn, tăng 7,4% so với kế hoạch Tổng Công ty Hàng hải giao (Kế hoạch giao: 3.600.000 tấn) và tăng 17% so với năm 2010; Doanh thu thuần Cảng đạt được 298,9 tỷ đồng tăng 6,8% so với kế hoạch Tổng Công ty giao (279 tỷ đồng), và tăng 28,5% so với năm 2010; Lợi nhuận trước thuế đạt 11,2 tỷ đồng, tăng 2% so với kế hoạch giao và tăng 29,7% so với năm 2010. Hệ số bốc xếp năm 2011 là 1,43, tăng so với cùng kỳ năm

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

2010, đây là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận thực hiện được trong năm của Công ty.

**Năm 2012:** Cảng đã thực hiện ưu tiên phát triển các mặt hàng mới, nguồn hàng mới và đầu tư thêm các phương tiện, thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng lực xếp dỡ. Nhờ vậy, Cảng đã đáp ứng được kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra. Năm 2012 sản lượng hàng hóa thông qua Cảng tăng trưởng khá tốt so với chỉ tiêu kế hoạch, đạt 4.423.388 tấn, tăng 7,8% so với kế hoạch Tổng Công ty giao và tăng 14,3% so với năm 2011; Doanh thu thuần cả năm 2012 đạt 331,24 tỷ đồng, tăng 10,8% so với năm trước và lợi nhuận sau thuế đạt 12,67 tỷ đồng, tăng 46,9% so với 2011.

**Năm 2013:** Cảng Đà Nẵng tiếp tục vượt qua khó khăn và đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, sản lượng hàng hóa thông qua Cảng năm 2013 đạt: 5.010.238 tấn, tăng 8,9% so với kế hoạch Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam giao cho (Kế hoạch giao: 4.600.000 tấn) và tăng 13,3% so cùng kỳ năm 2012; hàng container đạt: 167.447 TEU, tăng 15,8% so cùng kỳ năm 2012, lượt tiếp nhận 12 chuyến tàu container/tuần, đặc biệt lượng tàu khách du lịch đến Cảng Đà Nẵng là 104 lượt tàu, tăng 57% so với cùng kỳ năm 2012 với tổng số 155.912 lượt khách và thuyền viên, hệ số bốc xếp năm 2013 là 1,47, tương đối ổn định trong giai đoạn 2011 – 2013. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty đã đạt được những thành tựu nhất định với doanh thu thuần đạt 388,25 tỷ đồng tăng 17,2% so với năm 2012, bên cạnh đó trong năm 2013 do đồng Yên Nhật suy yếu đã giảm lực cho Công ty và làm gia tăng đáng kể doanh thu hoạt động tài chính, qua đó dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2013 tăng mạnh với kết quả đạt được là: 44,98 tỷ đồng.

Những kết quả đã đạt được nêu trên phần nào đã thể hiện được sự nỗ lực cố gắng của toàn thể Ban lãnh đạo và CBCNV Cảng Đà Nẵng trong quá trình xây dựng và phát triển Cảng ngày một vững mạnh và phát triển.

### 10.1.2. Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm

**Bảng 10: Cơ cấu doanh thu và thu nhập khác của Công ty mẹ giai đoạn 2011 – 2013**

Khoản mục	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ % <sup>(*)</sup>	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ % <sup>(*)</sup>	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ % <sup>(*)</sup>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	298.944	97,10%	331.238	92,77%	388.246	86,95%

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Khoản mục	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ % <sup>(*)</sup>	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ % <sup>(*)</sup>	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ % <sup>(*)</sup>
Doanh thu hoạt động tài chính	8.824	2,87%	24.956	6,99%	49.643	11,12%
Thu nhập khác	115	0,04%	877	0,25%	8.646	1,94%
<b>Tổng doanh thu và thu nhập khác</b>	<b>307.883</b>	<b>100%</b>	<b>357.070</b>	<b>100%</b>	<b>446.535</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: BCTC công ty mẹ năm 2011, 2012, 2013 đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng)

(\*) Tỷ lệ trên tổng doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu và thu nhập khác của Công ty giai đoạn 2011 – 2013 và đều gia tăng qua các năm (doanh thu thuần năm 2012 tăng 10,8% so với năm 2011, năm 2013 tăng 17,2% so với năm 2012), tiếp đến là doanh thu hoạt động tài chính, ngoài ra thu nhập khác chỉ chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ. Đặc biệt năm 2012 và năm 2013, doanh thu hoạt động tài chính của Công ty tăng cao do lãi chênh lệch tỷ giá khi đánh giá khoản nợ vay dài hạn có gốc ngoại tệ là đồng Yên Nhật Bản vào thời điểm cuối năm tài chính (lãi chênh lệch tỷ giá khi đánh giá khoản nợ vay dài hạn có gốc ngoại tệ là đồng Yên Nhật Bản vào thời điểm 31/12/2012 là 12,22 tỷ đồng, vào thời điểm 31/12/2013 là 24,56 tỷ đồng); đồng thời trong năm 2013, Công ty ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính từ khoản chênh lệch giữa số tạm tính tại thời điểm 31/12/2012 và số lãi vay thực trả của khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 20/02/2013 và 20/8/2013 là 1,44 tỷ đồng. Bên cạnh đó, sau khi Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 2160/QĐ-BGTVT ngày 24/7/2013 về việc phê duyệt giá trị tài sản bàn giao cho đơn vị quản lý, khai thác Dự án mở rộng Cảng Tiên Sa – Đà Nẵng, đồng thời với việc hạch toán điều chỉnh tăng bổ sung nguyên giá tài sản cố định của Dự án theo giá trị quyết toán đã được phê duyệt so với số liệu tạm tính trước thời điểm phê duyệt, Công ty đã điều chỉnh tăng doanh thu hoạt động tài chính số tiền 10,92 tỷ đồng do hoàn nhập chi phí chênh lệch tỷ giá liên quan đến khoản vay vốn ODA bằng đồng Yên Nhật để tài trợ phần tài sản cố định là gói thiết bị của Dự án đã được đánh giá và đưa vào chi phí những năm trước. Tổng hợp các yếu tố trên dẫn đến doanh thu từ hoạt động tài chính của Công ty năm 2013 tăng mạnh so với giai đoạn trước.

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Ngoài doanh thu từ hoạt động tài chính, trong năm 2013, thu nhập khác của Công ty cũng tăng mạnh do khoản chênh lệch khi đánh giá tài sản để góp vào Công ty Cổ phần Cảng tổng hợp - Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà 5,79 tỷ đồng, thu nhập từ bán một số tài sản, thiết bị và phương tiện vận tải không cần dùng 2,17 tỷ đồng.

**Bảng 11: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty mẹ giai đoạn 2011 – 2013**

Doanh thu thuần	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ % <sup>(*)</sup>	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ % <sup>(*)</sup>	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ % <sup>(*)</sup>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	298.944	100%	331.238	100%	388.246	100%
<i>Trong đó:</i>						
- <i>Doanh thu hoạt động xếp dỡ hàng hóa</i>	176.295	58,97%	216.771	65,44%	261.729	67,41%
- <i>Doanh thu hoạt động giao nhận</i>	2.052	0,69%	1.091	0,33%	1.092	0,28%
- <i>Doanh thu hoạt động lưu kho</i>	22.342	7,47%	26.415	7,97%	28.104	7,24%
- <i>Phí cầu bến</i>	10.263	3,43%	12.642	3,82%	20.782	5,35%
- <i>Phí hành khách và thuyền viên</i>	1.475	0,49%	4.726	1,43%	9.644	2,48%
- <i>Phí ưu tiên cầu bến</i>	0	0,00%	574	0,17%	1.156	0,30%
- <i>Tàu lai</i>	30.952	10,35%	28.913	8,73%	30.794	7,93%
- <i>Cột Mở dây</i>	894	0,30%	1.117	0,34%	1.464	0,38%
- <i>Giải phóng tàu</i>	449	0,15%	754	0,23%	740	0,19%
- <i>Kinh doanh khác</i>	54.223	18,14%	38.235	11,54%	32.740	8,43%

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng)

(\*) Tỷ lệ trên Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ.

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Trong cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng giai đoạn 2011 – 2013, doanh thu hoạt động xếp dỡ hàng hóa luôn đóng góp tỷ trọng lớn và gia tăng qua các năm do lượng hàng hóa thông qua Cảng ngày càng tăng, đồng thời lợi nhuận gộp của hoạt động xếp dỡ hàng hóa cũng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng lợi nhuận gộp của Công ty. Bên cạnh đó, doanh thu từ dịch vụ tàu lai, doanh thu hoạt động lưu kho, phí cầu bến, phí hành khách, thuyền viên cũng có sự tăng trưởng qua các năm gần đây. Ngoài ra, khoản doanh thu hoạt động kinh doanh khác bao gồm: doanh thu bán xăng, dầu; doanh thu vận tải đường bộ, đại lý tàu ... cũng chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong tổng doanh thu của Công ty, tuy nhiên, hiệu quả của hoạt động kinh doanh khác không cao. Trong những năm gần đây, Công ty ngày một chú trọng vào việc đẩy mạnh phát triển và gia tăng doanh thu của các lĩnh vực tàu lai, bốc xếp, lưu kho bãi, phí hành khách do giá trị gia tăng và hiệu quả của những dịch vụ này cao hơn so với các dịch vụ còn lại.

### 10.1.3. Nguyên vật liệu

Với đặc thù ngành nghề kinh doanh khai thác cảng biển, khai thác kho bãi, chủ yếu là cung cấp dịch vụ cho khách hàng nên nguyên vật liệu chính của Công ty là dầu diessel, xăng, dầu nhớt, mỡ ... được cung cấp bởi các công ty trong nước, điện năng mua trực tiếp của các công ty thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng ở mức 11% đến 12% trong giá vốn hàng bán của Công ty. Nguồn cung cấp nguyên vật liệu này khá ổn định, giá cả biến động tăng giảm theo quy định của Nhà nước, với cơ chế điều hành giá xăng dầu, điện, ... hiện nay của Chính phủ sẽ không tạo nên sự gia tăng đột biến khoản chi phí nhiên liệu, năng lượng và qua đó cũng không ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra để chủ động trong việc sửa chữa thay thế linh kiện cho các phương tiện phục vụ sản xuất Công ty có mua một số vật tư dự phòng thay thế cho các phương tiện như: cáp thép, dây cáp điện, linh kiện điện tử... với số lượng và giá trị ở mức vừa phải.

### 10.1.4. Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ giai đoạn 2011 – 2013

**Bảng 12: Cơ cấu chi phí của Công ty mẹ giai đoạn 2011 – 2013**

Khoản mục	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ % <sup>(*)</sup>	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ % <sup>(*)</sup>	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ % <sup>(*)</sup>
Giá vốn hàng bán	211.056	71,14%	282.986	83,03%	338.080	87,22%
Chi phí tài chính	51.280	17,28%	19.208	5,64%	4.557	1,18%
Chi phí bán hàng	729	0,25%	200	0,06%	232	0,06%

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Khoản mục	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ % <sup>(*)</sup>	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ % <sup>(*)</sup>	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ % <sup>(*)</sup>
Chi phí quản lý DN	32.551	10,97%	37.071	10,88%	43.075	11,11%
Chi phí khác	1.067	0,36%	1.347	0,40%	1.688	0,44%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>296.683</b>	<b>100%</b>	<b>340.813</b>	<b>100%</b>	<b>387.632</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: BCTC công ty mẹ năm 2011, 2012, 2013 đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng)

(\*) Tỷ lệ trên tổng chi phí

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng và tăng qua từng năm do Công ty thực hiện chính sách khấu hao nhanh máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải nhằm thu hồi vốn để tái đầu tư đổi mới công nghệ. Ngoài ra chi phí quản lý doanh nghiệp cũng chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu chi phí của Công ty và gia tăng qua các năm trong giai đoạn 2011 – 2013, chủ yếu do chi phí thuê đất tăng và chi phí trang bị đồng phục cho người lao động, trong khi đó tỷ trọng chi phí tài chính lại giảm mạnh. Chi phí bán hàng và các chi phí khác chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Chi phí tài chính của Công ty gồm hai khoản chính là giá trị khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản nợ vay dài hạn có gốc ngoại tệ là đồng Yên Nhật Bản và chi phí lãi vay. Năm 2011, tỷ giá JPY/VND lên cao so với năm 2010 nên Công ty phải chịu khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá. Năm 2012, tuy tỷ giá JPY/VND đã giảm xuống so với năm 2011 nhưng Công ty vẫn có khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá của năm 2011 hạch toán vào năm 2012. Năm 2013, Công ty không phát sinh khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay dài hạn đối với đồng Yên Nhật Bản, do đó chi phí tài chính của Công ty tiếp tục giảm mạnh so với năm trước.

Với các mức chi phí tương đối hợp lý nêu trên, các năm qua Công ty luôn hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận do Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam giao.

### 10.1.5. Trình độ công nghệ

Được xem là một trong những Cảng Container lớn nhất và là trung tâm giao thương xuất nhập khẩu của khu vực miền Trung và Tây Nguyên, cửa ngõ hành lang kinh tế đông tây qua



## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

các nước Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan và Myanmar, Cảng Đà Nẵng có năng lực tiếp nhận cụ thể như sau:

- Luồng vào Cảng:
  - Dài 8 hải lý, với độ sâu luồng 11 mét.
  - Chế độ thủy triều: Bán nhật triều chênh lệch 0,9 mét.
  - Độ sâu cầu bến từ 11 mét đến 12 mét chưa kể chênh lệch thủy triều.
  - Khả năng tiếp nhận tàu:
    - + Tàu tổng hợp : 45.000 DWT.
    - + Tàu Container : 2.000 TEUS.
    - + Tàu khách : 75.000 GRT.
- Hệ thống Kho bãi: Tổng diện tích mặt bằng: 176.145 m<sup>2</sup>, trong đó:
  - Kho: 14.285 m<sup>2</sup>, trong đó kho CFS 2.160 m<sup>2</sup>.
  - Bãi: 161.860 m<sup>2</sup>, trong đó: bãi chứa container 82.230 m<sup>2</sup>.
- Hệ thống cầu bến: 1.140 mét bao gồm 2 cầu nhô và 1 cầu liền bờ, 1 đê chắn sóng dài 450 mét.

**Bảng 13: Hệ thống cầu bến**

Tên / Số hiệu	Chiều dài	Độ sâu (Hải đồ)	Loại tàu / Hàng
Bến số 1	185 m	-11,5 m	35.000 DWT/Hàng dăm gỗ, rời, tàu du lịch
Bến số 2	185 m	-10 m	30.000 DWT/Hàng bao, rời
Bến số 3	185 m	-10 m	30.000 DWT/Hàng bao, rời, sắt phế liệu, container
Bến số 4	185 m	-11 m	40.000 DWT/Hàng bao, rời, sắt phế liệu, container, tàu du lịch
Bến số 5	225 m	-12 m	50.000 DWT /2000 TEUS /Container, tàu du lịch
Bến số 7	95 m	-5 m	2.000 DWT/Hàng rời, bao
Bến số 8	80 m	-5 m	1.000 DWT/Hàng rời, bao

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng)



## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

**Bảng 14: Danh mục phương tiện, thiết bị**

Loại / kiểu thiết bị	Số lượng	Sức nâng / tải / Công suất	Thời gian sản xuất	Xuất xứ
Cầu bờ di động (Quayside Container Crane)	02 cầu	36 / 50 Tấn	1989 2004	Nhật Bản Nhật Bản
Cầu khung bánh lốp (Rubber Tired Gantry Crane)	03 cầu	36/40 Tấn	2 cầu: 2004 1 cầu: 2013	Nhật Bản Việt Nam
Cầu cố định Liebherr (Fix cargo crane)	02 cầu	40 Tấn	2009	Đức
Cầu di động Liebherr (Transfer cargo crane)	02 cầu	25 Tấn	2013	Đức
Nâng chụm Container (Reach Stacker)	04 xe	41/45 Tấn	1994 1998 2003 2012	Thụy Điển Thụy Điển Ý Trung Quốc
Xe cạp gỗ (Clamp Loader)	02 xe	2,7/3 m <sup>3</sup>	2005 2007	Trung Quốc Nhật Bản
Cầu bánh lốp (Mobil crane)	20 cầu	10/80 tấn	- 6 cầu điện KC: 1996-2011 - 7 cầu thủy lực Karmaz: 2002-2004 - 2 chiếc QY: 2006, 2011 - 1 Cầu Krupp: 1994 - 1 Linkbelt: 1975 - 1 Kobelco: 1990 - 1 Grove: 1980 - 1 PH: 1980	Liên Xô cũ Liên Xô cũ Trung Quốc Đức Mỹ Nhật Bản Mỹ Mỹ
Xe nâng	16 xe	2/7 tấn	- Xe nâng 07	Nhật Bản

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Loại / kiểu thiết bị	Số lượng	Sức nâng / tải / Công suất	Thời gian sản xuất	Xuất xứ
			tấn: 04 xe: 2003; 2004 - Xe nâng 05 tấn: 05 xe từ 2000-2004 - Xe nâng 04 tấn: 01 xe 1993 - Xe nâng 3 tấn: 03 xe 1993, 2001, 2002 - Nâng 2 tấn: 03 chiếc 2004	
Xúc lật, ủi, đào (Wheel Loader, Excavator ...)	11 xe	1/1,5 m <sup>3</sup>	- Xúc lật 1,9 m <sup>3</sup> : 01 xe 1996 - Xúc lật 1,3 m <sup>3</sup> : 01 xe 2003 - Xúc lật 1 m <sup>3</sup> : 01 xe 2012 - Xúc lật 0,9 m <sup>3</sup> : 03 xe 2000-2003 - Xúc gầu đào 0,5 m <sup>3</sup> : 01 xe 2007 - Xúc gầu đào 1m <sup>3</sup> : 01 xe 2009 - Xúc gầu đào 1,2 m <sup>3</sup> : 01 xe 2013 - Xe ủi: 01 xe 2009 - Xe ủi: 01 xe 2013	Nhật Bản  Nhật Bản  Trung Quốc Nhật Bản  Nhật Bản  Nhật Bản  Nhật Bản  Trung Quốc

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Loại / kiểu thiết bị	Số lượng	Sức nâng / tải / Công suất	Thời gian sản xuất	Xuất xứ
Xe đầu kéo (Tractor)	23 xe	20/40 Tấn	- 05 xe: 2002 - 2003 - 01 xe: 1983 - 04 xe: 2002-2003 - 05 xe: 2004 - 02 xe: 2006 - 01 xe: 2006 - 05 xe: 2012	Mỹ Thụy Điển Nga Mỹ Hàn Quốc Trung Quốc Trung Quốc
Xe ben (Dumps Truck)	12 xe	15/26 Tấn	- 04 xe: 2002-2003 - 08 xe: 2005-2009	Nga Trung Quốc
Cân điện tử (Electronic weightbridge)	02 cái	80 Tấn	2004	Nhật Bản
Ổ cắm Container lạnh (Reefer plug)	2 sàn + tủ cố định	80 Đầu cắm	2008 2011	Việt Nam

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng)

Nhìn chung trình độ công nghệ của Công ty cơ bản đạt mức tiên tiến. Các mặt hàng kinh doanh chiến lược của Công ty là container, hàng dăm và du lịch đều có công nghệ chuyên dùng:

- Đối với hàng container: Cảng sử dụng cầu QCC ở cầu tàu - xe đầu kéo chuyên dùng đưa container vào bãi và được RTG bốc xuống. Ở những cảng tiên tiến hiện cũng đang dùng công nghệ này.
- Đối với hàng dăm bạch đàn: Công nghệ được cơ giới hóa hoàn toàn, băng chuyền đưa dăm từ bãi xuống tàu. Đối với chủ hàng không có bãi dăm trong Cảng thì dùng công nghệ sàn nâng - băng chuyền tiếp dăm - băng chuyền vận tải xuống tàu.
- Đối với tàu du lịch: Có ga chuyên dụng đón khách du lịch và có xe điện đưa khách từ ga ra cổng và ngược lại.

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

- Đối với các mặt hàng khác công nghệ bốc xếp liên tục được đổi mới. Cảng đã đầu tư đưa và sử dụng 2 cầu cố định và 2 cầu di động Liebherr tại bến 3 và bến 4 thay thế cho những cầu ô tô có sức nâng hạn chế theo tâm với.
- Hàng sắt phế liệu được bốc xếp bằng ngoạm hoa thị chuyên dùng nên công nghệ cải thiện về chất làm cho năng suất bốc xếp liên tục gia tăng.

### 10.1.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng luôn quan tâm và đầu tư cho việc nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ mới. Để thực hiện điều này, Công ty xác định việc đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị theo hướng đồng bộ, công nghệ tiên tiến hiện đại là ưu tiên hàng đầu. Tiếp đến là đầu tư ứng dụng sâu rộng công nghệ thông tin và hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử trong quản lý, khai thác cảng đáp ứng được yêu cầu của hội nhập quốc tế.

Trong những năm qua Cảng đã luôn quan tâm nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ mới, đầu tư, nâng cấp trang thiết bị và ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất và cung cấp dịch vụ, qua đó góp phần gia tăng năng suất, cải tiến hình thức và chất lượng dịch vụ, đem lại hiệu quả cao hơn trong quá trình phục vụ khách hàng như:

- Về trang thiết bị: Đầu tư thiết bị cho hệ thống bốc xếp container (cầu khung RTG, xe reach stacker, rơ moóc chuyên dùng, đầu kéo chuyên dùng, phần mềm CATOS và phần cứng kết nối wifi khai thác hàng container...). Song song việc đầu tư công nghệ thiết bị cho hàng container Cảng cũng đã đầu tư công nghệ bốc xếp cho hàng rời và hàng tổng hợp với các trang thiết bị tiên tiến hiện đại (Cầu chạy ray di động Liebherr sức nâng 25 tấn gầu ngoạm hoa thị bốc hàng rời, phần mềm CTOS khai thác hàng tổng hợp và quản lý phương tiện thiết bị ...). Ngoài ra Cảng cũng đã thực hiện chuyển đổi công nghệ cho cầu khung bánh lốp RTG từ phát điện bằng động cơ Diesel sang dùng trực tiếp điện lưới quốc gia, việc này đã đem lại hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường.
- Về xây dựng công trình: Đầu tư nâng cấp cầu 2 cảng Tiên Sa để đón tàu có tải trọng 20.000 DWT (bến 3) và 30.000 DWT (bến 4), nâng áp lực mặt cầu 2 lên 3 tấn/1m<sup>2</sup>, nâng cấp bến 7 Cảng Tiên Sa để đón tàu có tải trọng 2.000 DWT, chân kê bãi container, mở rộng đường và bãi bách hóa Cảng Tiên Sa (thêm khoảng 15.500 m<sup>2</sup> phục vụ để container rỗng và hành tổng hợp). Tiếp tục Cảng đang triển khai dự án nâng cấp nối dài cầu 1 Cảng Tiên Sa để tiếp nhận tàu có tải trọng 45.000 DWT.
- Riêng với mặt hàng dăm gỗ bạch đàn: Cảng đã đầu tư hệ thống sàn nâng xe để xuất

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

dẫn gỗ trực tiếp từ các xe vận tải xuống tàu. Đây là công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Cảng Đà Nẵng.

**Bảng 15: Các phương tiện thiết bị đã được đầu tư trong giai đoạn 2011 – 2013**

STT	Phương tiện đầu tư	Số lượng	Ghi chú
1	Cầu thủy lực bánh lốp 70 tấn	1 cầu	Năm 2011
2	Xúc lật bánh lốp 1m <sup>3</sup>	1 chiếc	Năm 2011
3	Xe đầu kéo chuyên dùng	2 chiếc	Năm 2012
4	Rơ-mooc chuyên dùng	4 chiếc	Năm 2012
5	Xe đầu kéo thông thường	5 chiếc	Năm 2012
6	Rơ-mooc thông thường	3 chiếc	Năm 2012
7	Xe nâng chụp Container	1 chiếc	Năm 2012
8	Trạm biến áp 750 KVA	1 trạm	Năm 2012
9	Trạm biến áp 1500 KVA ( 2x750)	1 trạm	Năm 2013
10	Cầu chân đế chạy ray	2 chiếc	Năm 2013
11	Cầu RTG điện	1 chiếc	Năm 2013
12	Ngoạm hoa thị 5 m <sup>3</sup>	2 cái	Năm 2013
13	Ngoạm hoa thị 1,2 m <sup>3</sup>	1 cái	Năm 2013: Tự gia công
14	Xe đào bánh xích 1,2 m <sup>3</sup>	1 chiếc	Năm 2013
13	Sàn nâng+ Băng tiếp dầm	1 hệ	Năm 2013

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng)

### 10.1.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/ dịch vụ

Trong thời gian qua nhìn chung Cảng Đà Nẵng đã đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng trong quá trình cung ứng sản phẩm dịch vụ, các thao tác tác nghiệp được thực hiện tương đối tốt khi bốc xếp hàng hóa tại tàu, kho bãi cũng như việc bảo quản lưu kho bãi được an toàn, không bị mất mát hàng hóa của khách hàng, bố trí cầu bến hợp lý,... tuy nhiên bên

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

cạnh đó Công ty vẫn còn một số tồn tại trong việc cung ứng dịch vụ và tác nghiệp cho khách hàng như thiếu phương tiện, thiết bị xếp dỡ hoặc cung ứng không kịp thời hoặc thiếu nguồn lao động do điều kiện sản xuất bất bình hành về tàu bè đi và đến Cảng,... Nhận thức được những tồn tại trên và xác định phương châm đảm bảo không ngừng nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng bằng cách cung cấp dịch vụ ngày càng tốt hơn, xem khách hàng là người quyết định sự tồn tại và phát triển Cảng Đà Nẵng, Cảng luôn cố gắng xây dựng các chính sách về sản phẩm và chất lượng dịch vụ ngày một hoàn hảo hơn nhằm phục vụ tốt cho khách hàng cụ thể như:

- Về sản phẩm: Xu thế hiện nay chủ tàu và khách hàng thường phải sử dụng phương tiện vận chuyển cỡ lớn, nhu cầu đòi hỏi cần có độ sâu mớn nước phù hợp, cầu bến an toàn và đảm bảo đủ độ sâu luồng dẫn tàu để tàu vào cập cầu an toàn. Từ đó, Cảng đã và đang thực hiện kế hoạch nạo vét để việc đưa tàu của khách hàng cập cảng được thuận lợi, hàng hóa qua Cảng không hao hụt số lượng, suy giảm chất lượng. Bên cạnh đó Cảng thực hiện việc sản xuất, giám sát thực hiện, nghiệm thu bàn giao sản phẩm đưa vào sử dụng, bảo hành sản phẩm theo Quy trình ISO – 9001:2000 mà Cảng đang áp dụng trong công tác sửa chữa cơ khí, gia công mới và mua sắm sản phẩm. Đảm bảo các bộ phận thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo những nguyên tắc và tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2000, cải tiến thường xuyên hiệu lực của hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo các nguồn lực và duy trì hệ thống,...

Phòng Kinh doanh là đầu mối kiểm tra và ghi nhận chất lượng của dịch vụ cung ứng cho khách hàng, đồng thời Ban quản lý chất lượng ISO của Công ty có nhiệm vụ tổng hợp và điều chỉnh quy trình tác nghiệp nhằm mục tiêu cung ứng dịch vụ hoàn hảo cho khách hàng.

- Đối với luồng trước bến và sửa chữa công trình: Định kỳ 06 tháng khảo sát độ sâu khu nước trước bến và kiểm tra thêm khi cần thiết, thường xuyên duy tu sửa chữa kho, bãi, đê chắn tàu,... đảm bảo phục vụ nhu cầu khách hàng.
- Không ngừng cải tiến và hoàn thiện công nghệ xếp dỡ, công tác quản lý và nguồn lực nhằm tăng năng suất, giảm thời gian chờ đợi của khách hàng.
- Từng bước triển khai áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo chuẩn ISO 14001:2010 để bảo vệ môi trường, một trong những yếu tố quan trọng để phát triển bền vững.

# PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

## 10.1.8. Hoạt động Marketing

Bên cạnh công tác đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm ngày càng đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của khách hàng, Cảng Đà Nẵng cũng luôn quan tâm tới hoạt động Marketing. Công ty xác định việc thực hiện tốt chính sách Marketing, tăng cường sức cạnh tranh cho sản phẩm, dịch vụ sẽ góp phần quan trọng vào việc xây dựng, quảng bá thương hiệu của Cảng Đà Nẵng, thu hút khách hàng sử dụng sản phẩm dịch vụ của Công ty ngày một nhiều, qua đó sẽ thúc đẩy việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Cảng Đà Nẵng. Để thực hiện điều này, trong thời gian qua, Công ty đã triển khai một số giải pháp như: tăng cường quảng bá hình ảnh và sản phẩm của Công ty trên website, thông qua các bạn hàng, đối tác, thực hiện marketing trong chính quá trình bán hàng và tăng cường công tác chăm sóc khách hàng hậu cung cấp dịch vụ nhằm không ngừng khẳng định và nâng cao hình ảnh của Công ty trong ngành hàng hải Việt Nam và khu vực, ...

## 10.1.9. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo Công ty:



Công ty đã nộp đơn đăng ký nhận hiệu DANANG PORT đến Cục sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ vào ngày 08/11/2013.

## 10.1.10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

**Bảng 16: Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết**

STT	Số hợp đồng	Ngày ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Nội dung	Đối tác trong hợp đồng
1	92/HĐKT-N2013	01/01/2013	2013-2015	Xếp dỡ, giao nhận, lưu bãi và các dịch vụ khác	Hãng tàu SAMUDERA
2	108/HĐKT-N2013	01/01/2013	2013-2015	Xếp dỡ, giao	Công ty TNHH

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

STT	Số hợp đồng	Ngày ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Nội dung	Đối tác trong hợp đồng
				nhận, lưu bãi và các dịch vụ khác	MTV Vận tải BIÊN ĐÔNG
3	143/HĐKT-N2013	01/01/2013	2013-2015	Xếp dỡ, giao nhận, lưu bãi và các dịch vụ khác	Hãng tàu WanHai
4	114/HĐKT-N2013	01/01/2013	2013-2015	Xếp dỡ, giao nhận, lưu bãi và các dịch vụ khác	Hãng tàu YangMing
5	153/2014/HĐKT	01/01/2014	2014	Lai dắt tàu	Công ty cổ phần Cảng Qui Nhon
6	94/HĐKT-N2013	01/01/2013	2013-2015	Xếp dỡ, giao nhận, lưu bãi và các dịch vụ khác	Hãng tàu Maersk
7	70/HĐKT-N2013	01/01/2013	2013-2015	Xếp dỡ, giao nhận, lưu bãi và các dịch vụ khác	Công ty cổ phần GEMADEPT
8	75/HĐKT-N2014	01/01/2014	2014	Xếp dỡ, giao nhận, lưu bãi và các dịch vụ khác	Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng
9	34/HĐKT-N2014	01/01/2014	2014	Xếp dỡ, giao nhận, lưu bãi và các dịch vụ khác	Hãng tàu MITSUI O.S.K
10	VCSC.KTC-ĐAN/PORT/13.9	01/01/2013	2013-2015	Xếp dỡ, giao nhận, lưu bãi và các dịch vụ khác	Công ty Vận tải biển CONTAINER LINE
11	53/HĐKT-N2014	01/01/2014	2014	Xếp dỡ, giao nhận, lưu bãi và các dịch vụ khác	Công ty TNHH CONTAINER MIỀN TRUNG
12	85/HĐKT-N2014	01/01/2014	2014-2015	Xếp dỡ, giao nhận, lưu bãi và các dịch vụ khác	Công ty cổ phần VTB VINAFCO

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng)



## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Các hợp đồng đang thực hiện hoặc đã được ký kết của Công ty đều là các hợp đồng cung ứng dịch vụ xếp dỡ, giao nhận, lưu bãi, ... Các hợp đồng này đều mới xác định được đơn giá, còn sản lượng hàng hóa của dịch vụ cung ứng xác định căn cứ vào phát sinh thực tế. Đơn giá theo các hợp đồng được ổn định trong vòng một (01) năm, trong trường hợp giá nhiên liệu biến động tăng quá lớn (trên 10%) thì các bên sẽ xem xét điều chỉnh đơn giá.

### 10.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước khi cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng

**Bảng 17: Kết quả kinh doanh hợp nhất giai đoạn 2011 – 2013**

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Chỉ tiêu (cuối kỳ)	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Tổng tài sản	500.367.013.515	505.681.541.014	787.830.534.000
2	Vốn chủ sở hữu	232.766.417.892	240.583.285.605	492.956.303.790
-	<i>Trong đó:</i> <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo sổ sách kế toán</i>	<i>199.101.911.929</i>	<i>198.446.702.561</i>	<i>462.967.098.725</i>
3	Nợ ngắn hạn	82.760.166.675	95.723.557.525	145.658.054.899
-	<i>Trong đó:</i> <i>Vay và nợ ngắn hạn</i>	<i>18.191.683.652</i>	<i>14.888.285.031</i>	<i>12.768.820.125</i>
-	<i>Nợ quá hạn</i>	-	-	-
4	Nợ dài hạn	176.163.547.343	148.520.475.612	116.475.562.221
-	<i>Trong đó:</i> <i>Vay và nợ dài hạn</i>	<i>159.754.497.357</i>	<i>134.437.672.549</i>	<i>116.297.653.130</i>
-	<i>Nợ quá hạn</i>	-	-	-
5	Nợ phải thu khó đòi	1.524.690.561	3.437.794.896	3.823.896.370
6	Tổng doanh thu	366.660.088.847	438.267.665.870	531.332.424.241
-	<i>Trong đó:</i> <i>Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV</i>	<i>358.154.882.691</i>	<i>412.224.736.684</i>	<i>470.967.085.535</i>

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu (cuối kỳ)	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
7	Tổng chi phí	355.465.947.291	412.984.590.799	462.902.077.395
-	<i>Trong đó:</i> Giá vốn hàng bán	256.925.612.886	329.706.232.321	385.844.238.400
8	Lợi nhuận trước thuế	11.194.141.556	25.283.075.071	68.916.536.161
9	Lợi nhuận sau thuế	8.399.801.922	19.701.502.348	51.712.610.907
-	<i>Trong đó:</i> Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	219.494.891	3.387.486.710	3.926.354.458
-	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	8.180.307.031	16.314.015.638	47.786.256.449
10	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ/Vốn chủ sở hữu (cuối kỳ)	3,51%	6,78%	9,69%

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng và Số liệu cuối kỳ tại BCTC hợp nhất năm 2011, 2012, 2013 đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng)

Vốn chủ sở hữu tăng qua các năm là do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng, đặc biệt trong năm 2013, vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng mạnh là do Bộ Giao thông Vận tải có quyết định số 2160/QĐ-BGTVT ngày 24/7/2013 về việc phê duyệt giá trị tài sản bàn giao cho đơn vị quản lý, khai thác Dự án mở rộng Cảng Tiên Sa – Đà Nẵng, theo đó bổ sung tăng vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng với số tiền 83,5 tỷ đồng, bên cạnh đó do chủ trương di dời Cảng Sông Hàn của thành phố Đà Nẵng đã tính tiền đền bù và hỗ trợ cho Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng hơn 200 tỷ đồng, sau khi Cảng Đà Nẵng bù trừ với giá trị còn lại của các tài sản được đền bù, các chi phí liên quan khác và tiền hỗ trợ do di dời Cảng Sông Hàn, số còn lại đã tăng bổ sung vào nguồn vốn để đầu tư xây dựng Cảng mới thay thế Cảng Sông Hàn với số tiền gần 173,46 tỷ đồng.

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

**Bảng 18: Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ giai đoạn 2011 – 2013**

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Chỉ tiêu (cuối kỳ)	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Tổng tài sản	479.390.482.789	470.665.890.009	746.424.888.539
2	Vốn Nhà nước theo sổ sách kế toán	234.572.794.159	238.809.366.127	488.917.091.413
-	<i>Trong đó:</i> <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo sổ sách kế toán</i>	<i>199.101.911.929</i>	<i>198.446.702.561</i>	<i>462.967.098.725</i>
3	Nợ ngắn hạn	72.484.251.070	86.263.148.270	141.119.234.905
-	<i>Trong đó:</i> <i>Vay và nợ ngắn hạn</i>	<i>14.193.574.760</i>	<i>13.159.757.255</i>	<i>12.098.820.125</i>
-	<i>Nợ quá hạn</i>	-	-	-
4	Nợ dài hạn	172.333.437.560	145.593.375.612	116.388.562.221
-	<i>Trong đó:</i> <i>Vay và nợ dài hạn</i>	<i>156.129.322.357</i>	<i>131.597.572.549</i>	<i>116.297.653.130</i>
-	<i>Nợ quá hạn</i>	-	-	-
5	Nợ phải thu khó đòi	1.283.089.561	1.421.829.717	792.180.357
6	Tổng số lao động (người)	911	725	672
7	Tổng quỹ lương	100.209.802.550	103.231.144.723	123.846.619.700
8	Thu nhập bình quân/người/tháng	9.166.648	11.865.649	15.357.964
9	Tổng doanh thu	307.883.148.727	357.070.365.465	446.535.366.218
-	<i>Trong đó:</i> <i>Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV</i>	<i>298.943.804.235</i>	<i>331.237.656.060</i>	<i>388.245.915.316</i>

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu (cuối kỳ)	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
10	Tổng chi phí	296.683.148.727	340.812.536.157	387.632.202.051
-	<i>Trong đó:</i> Giá vốn hàng bán	211.055.901.024	282.986.356.256	338.079.676.820
11	Lợi nhuận trước thuế	11.200.000.000	16.257.829.308	58.903.164.167
12	Lợi nhuận sau thuế	8.623.367.704	12.673.168.040	44.984.373.626
13	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn Nhà nước (cuối kỳ) (%)	3,68%	5,31%	9,20%

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng và Số liệu cuối kỳ tại BCTC công ty mẹ năm 2011, 2012, 2013 đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng)

Từ năm 2011 đến năm 2013 mặc dù chịu áp lực về nguồn vốn vay ODA do sự tăng giảm của đồng Yên Nhật so với VND, Công ty đã không ngừng thực hiện các biện pháp như giao khoán cho các đơn vị trực thuộc điều hành sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí, cân đối nguồn tiền thanh toán các khoản vay đến hạn trả đúng quy định không xảy ra tình trạng nợ quá hạn. Bên cạnh đó, Cảng Đà Nẵng cũng đưa ra nhiều giải pháp phối hợp với các Phòng Ban, đơn vị thu hồi công nợ, hạn chế nợ xấu, nợ khó đòi trong tình hình các doanh nghiệp trong nước gặp khó khăn về tài chính. Tỷ lệ nợ xấu chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nợ phải thu khách hàng. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty liên tục tăng trưởng, góp phần tăng Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn Nhà nước qua các năm. Công tác quản lý của Ban lãnh đạo Công ty luôn đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu do Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam giao.

**Bảng 19: Một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất giai đoạn 2011 – 2013**

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b> (Tại thời điểm cuối kỳ)			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Lần) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,65	2,18	1,91

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
- Hệ số thanh toán nhanh ( <i>Lần</i> ) [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	1,56	2,11	1,87
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b> ( <i>Tại thời điểm cuối kỳ</i> )			
- Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	51,75%	48,30%	33,27%
- Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng Tài sản	46,52%	47,58%	62,57%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu ( <i>Lần</i> )	1,11	1,02	0,53
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay các khoản phải thu ( <i>Vòng</i> ) (Doanh thu thuần/Các khoản phải thu khách hàng bình quân)	10,12	9,37	9,11
- Kỳ thu tiền bình quân ( <i>Ngày</i> )	36	38	40
- Vòng quay các khoản phải trả ( <i>Vòng</i> ) (Giá vốn hàng bán/ Phải trả cho người bán bình quân)	20,17	20,24	25,40
- Ngày phải trả bình quân ( <i>Ngày</i> )	18	18	14
- Vòng quay hàng tồn kho ( <i>Vòng</i> ) (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	37,78	48,62	66,06
- Vòng quay Tổng tài sản ( <i>Vòng</i> ) (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	0,77	0,82	0,73
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,35%	4,78%	10,98%
- Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	3,35%	6,12%	13,09%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	3,72%	8,32%	14,10%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	1,80%	3,92%	8,00%

(Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu cuối kỳ tại BCTC hợp nhất năm 2011, 2012, 2013 đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng)

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

**Bảng 20: Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ giai đoạn 2011 – 2013**

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b> <i>(Tại thời điểm cuối kỳ)</i>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn ( <i>Lần</i> ) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,72	2,09	1,73
- Hệ số thanh toán nhanh ( <i>Lần</i> ) [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	1,64	2,04	1,70
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b> <i>(Tại thời điểm cuối kỳ)</i>			
- Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	51,07%	49,26%	34,50%
- Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng Tài sản	48,93%	50,74%	65,50%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu ( <i>Lần</i> )	1,04	0,97	0,53
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay các khoản phải thu ( <i>Vòng</i> ) (Doanh thu thuần/Các khoản phải thu khách hàng bình quân)	9,60	9,00	8,63
- Kỳ thu tiền bình quân ( <i>Ngày</i> )	37	40	42
- Vòng quay các khoản phải trả ( <i>Vòng</i> ) (Giá vốn hàng bán/ Phải trả cho người bán bình quân)	21,76	21,07	19,93
- Ngày phải trả bình quân ( <i>Ngày</i> )	17	17	18
- Vòng quay hàng tồn kho ( <i>Vòng</i> ) (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	40,42	60,55	96,62
- Vòng quay Tổng tài sản ( <i>Vòng</i> ) (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	0,66	0,70	0,64
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,88%	3,83%	11,59%

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
- Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	4,07%	5,05%	13,38%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	3,80%	5,35%	12,36%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	1,91%	2,67%	7,39%

(Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu cuối kỳ tại BCTC công ty mẹ năm 2011, 2012, 2013 đã được kiểm toán của Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng)

### 10.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

#### 10.3.1. Thuận lợi

- Cảng Đà Nẵng có đội ngũ công nhân lành nghề, cán bộ quản lý chuyên sâu; cơ sở hạ tầng và thiết bị được đầu tư đồng bộ đang phát huy hiệu quả, trong đó có một bến container hiện đại nhất miền Trung.
- Công ty có vị trí địa lý thuận lợi cho việc sản xuất, kinh doanh: Cảng nằm trong vịnh Đà Nẵng kín gió, có thể khai thác tàu, hàng quanh năm. Hiện tại trên địa bàn thành phố ít có đối thủ cạnh tranh;
- Có hệ thống giao thông đường bộ nối liền giữa Cảng với Quốc lộ 1, Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Ga đường sắt kết nối vùng hậu phương với Cảng thuận lợi trong việc xuất nhập hàng hóa cho khu vực.
- Có thị trường ổn định và tăng trưởng, khách hàng gắn bó với Cảng, có thương hiệu tốt, công tác Marketing, PR của Cảng khá hiệu quả, Tình hình tài chính lành mạnh.
- Là một thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, Cảng Đà Nẵng luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Tổng Công ty và có thể mạnh trong việc thiết lập mối quan hệ tốt đẹp với bạn hàng, đối tác trong quá trình hoạt động kinh doanh.

#### 10.3.2. Khó khăn, bất lợi

- Bộ máy sản xuất còn bất cập, một số nguồn lực chưa đáp ứng đầy đủ cho sản xuất kinh doanh, đặc biệt là năng lực cầu bến, thiết bị nâng hạ cần nâng cấp và đầu tư mới.
- Cảng Sông Hàn di dời ra khu vực Thọ Quang làm giảm năng lực khai thác của Cảng.
- Nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển khá lớn, trong lúc tích lũy vốn từ nội tại Công ty chưa cao, thu hút vốn từ bên ngoài cho đầu tư gặp khó khăn.



## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

- Một số mặt hàng (hàng cement, phân bón, gạo, clinker,...) chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu hàng hóa nhưng giá cước xếp dỡ thấp, khách hàng không chấp nhận tăng giá, dẫn đến việc kinh doanh các mặt hàng này kém hiệu quả.

### 11. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

#### 11.1. Vị thế của Công ty trong ngành

- Cảng Đà Nẵng nằm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, một thành phố năng động đóng vai trò trung tâm về kinh tế - xã hội của miền Trung - Việt Nam và cũng là một thành phố du lịch ngày càng phát triển đã và đang thu hút một số lượng lớn khách du lịch trong và ngoài nước. Bên cạnh đó với vị trí địa lý nằm trong vịnh Đà Nẵng, được bao bọc bởi đèo Hải Vân và bán đảo Sơn Trà, kín gió cùng với đê chắn sóng dài 450 mét, Cảng Đà Nẵng có nhiều thuận lợi cho tàu thuyền neo đậu và làm hàng quanh năm. Cảng Đà Nẵng cũng là cảng nằm ở vị trí trung độ của cả nước là điểm giữa các tuyến giao thông Bắc - Nam, nằm gần với đường hàng hải quốc tế, hệ thống giao thông ra vào Cảng rộng và thông thoáng đã tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hóa khi đến Cảng Đà Nẵng. Với vai trò cửa ngõ thông ra biển cho các nước thuộc khu vực Hành lang kinh tế Đông Tây, các tỉnh, thành miền Trung Việt Nam (Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng cùng Quảng Nam, Quảng Ngãi...), vừa là đầu ra, vừa là đầu vào quan trọng cho hàng hóa của Thái Lan, Myanmar, Lào và các nước lân cận như Trung Quốc, Campuchia, Cảng Đà Nẵng đóng vai trò là một mắt xích không thể thiếu trong chuỗi cung ứng dịch vụ logistics trên tuyến Hành lang kinh tế Đông Tây. Hệ thống giao thông đường bộ nối liền giữa Cảng Đà Nẵng với Sân bay quốc tế Đà Nẵng, Ga đường sắt, Vùng hậu phương rất rộng rãi và thông thoáng, thuận lợi trong việc xuất nhập hàng hóa cho khu vực.





## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

- Với lịch sử trên 100 năm hình thành và phát triển, hiện tại Cảng Đà Nẵng là cảng biển lớn nhất khu vực miền Trung Việt Nam. Theo thống kê của Hiệp hội cảng biển Việt Nam, Cảng Tiên Sa thuộc Cảng Đà Nẵng là cảng nước sâu nhất trong khu vực miền Trung với trọng tải tàu tối đa có thể tiếp nhận là 45.000 DWT. Về khối lượng hàng hóa thông qua, Cảng Đà Nẵng là cảng đứng thứ hai sau Cảng Quy Nhơn trong khu vực cảng miền Trung. Khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu từ và đến Cảng Đà Nẵng trong năm 2012 là 2,9 triệu MT và năm 2013 là 3,7 triệu MT chỉ đứng sau Cảng Quy Nhơn. Không chỉ thế, Cảng Đà Nẵng còn đứng đầu trong hệ thống cảng miền Trung về khối lượng hàng hóa chuyên chở nội địa với khối lượng hàng hóa chuyên chở nội địa năm 2012 và 2013 lần lượt là 1,5 triệu MT và 1,3 triệu MT. Cảng Đà Nẵng cũng đóng vai trò chiến lược trong việc chuyên chở hàng hóa bằng container ở khu vực cảng miền Trung với khối lượng hàng hóa chuyên chở bằng container đạt 144.555 TEUs trong năm 2012 và 167.447 TEUs trong năm 2013.



- Song song với việc phát triển cảng hàng hóa, Cảng Đà Nẵng cũng là một trong những cảng du lịch nổi tiếng ở Việt Nam. Năm 2013, Cảng đã đón 104 lượt tàu khách cập bến, tăng trưởng 57,6% so với năm 2012 với tổng số 155.912 lượt khách và thuyền viên, trong đó có 07 chuyến tàu quân sự được tổ chức tiếp đón an toàn, lịch sự.

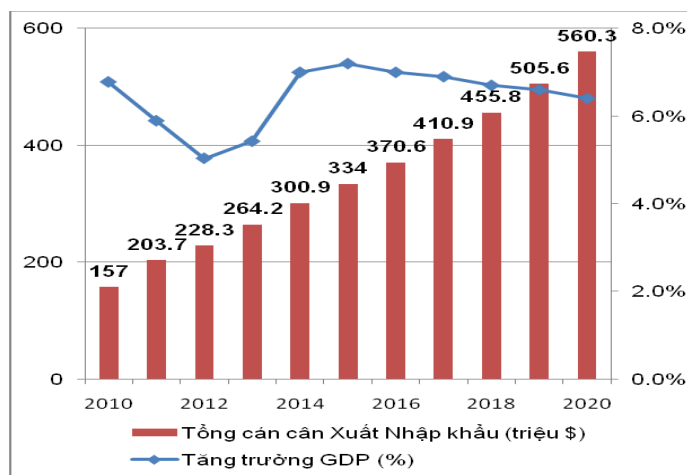
### 11.2. Triển vọng phát triển ngành

Là một quốc gia nằm ở vị trí thuận lợi ven biển, Việt Nam có nhiều điều kiện để phát triển ngành kinh tế cảng biển, hiện tại hệ thống cảng biển của nước ta trải dài khắp cả nước với 44

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

cảng biển (14 cảng biển loại I, 17 cảng biển loại II và 13 cảng biển loại III), có 219 bến cảng và 373 cầu cảng, trong đó có nhiều cảng biển có tiềm năng và lợi thế lớn.

Xét trên góc độ nền kinh tế: Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2013 của cả nước là 5,42% và dự báo sẽ xoay quanh ngưỡng 7% trong những năm tiếp theo từ 2014 đến 2017. Kinh tế Việt Nam vẫn được cho là nền kinh tế tăng trưởng ổn định trên thế giới. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu từ 2010 trở lại đây cũng tăng mạnh. Theo số liệu báo cáo “Tình hình kinh tế - xã hội năm 2013” của Tổng cục Thống kê Việt Nam thì Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2013 đạt 132,2 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2012. Tại Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 – 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Nghị quyết số 2471/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 cũng đã đặt ra mục tiêu tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa bình quân 11 – 12%/năm và tốc độ tăng trưởng nhập khẩu hàng hóa bình quân 10 – 11%/năm trong thời kỳ 2011 – 2020. Do khối lượng hàng hóa xuất nhập khẩu được chuyên chở chủ yếu bằng đường biển nên việc gia tăng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu sẽ là cơ hội kinh doanh tốt cho các doanh nghiệp hàng hải Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong ngành cảng biển nói riêng.



(Nguồn: [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn) và Vietnam Business Forecast Report quý III/2013 của BMI)

Về mặt định hướng:

- Tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09/02/2007 “Về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020” của Hội nghị lần thứ tư ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá X đã nhấn mạnh “Thế kỷ XXI được thế giới xem là thế kỷ của đại dương”, mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 kinh tế trên biển và ven biển sẽ đóng góp khoảng 53 – 55% tổng GDP của cả nước.

- Tại Quy hoạch phát triển vận tải biển Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1601/QĐ-TTg ngày

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

15/10/2009, mục tiêu về hệ thống cảng biển đã được xác định cho giai đoạn 2020, định hướng đến 2030 là tập trung phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống cảng biển và luồng vào cảng. Tiếp theo đó, tại Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 2190/QĐ-TTg ngày 24/12/2009 cũng đã xác định mục tiêu phát triển hệ thống cảng biển theo một quy hoạch tổng thể và thống nhất trên quy mô cả nước nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tạo cơ sở vật chất kỹ thuật nhanh chóng để đưa nước ta hội nhập và đủ sức cạnh tranh trong hoạt động cảng biển với các nước trong khu vực và trên thế giới, khẳng định vị trí và ưu thế về kinh tế biển của đất nước; đồng thời góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng của đất nước; hình thành những đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng với quốc tế làm động lực phát triển các khu kinh tế, đô thị - công nghiệp ven biển. Đặc biệt trong quy hoạch nhóm cảng biển Trung Trung Bộ (nhóm 3), Cảng Đà Nẵng được đầu tư là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (loại I), về lâu dài có thể phát triển để đảm nhận vai trò cửa ngõ quốc tế ở khu vực miền Trung.

Sau hơn 4 năm triển khai quy hoạch, vừa qua, Bộ Giao thông Vận tải cũng đã giao Cục Hàng hải Việt Nam rà soát, điều chỉnh Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 cho phù hợp với tình hình thực tế, theo đó lần quy hoạch này vẫn tập trung phát triển hệ thống cảng biển để nhanh chóng hội nhập với các nước tiên tiến trong khu vực, phát triển hợp lý các cảng tổng hợp quốc gia, cảng chuyên dùng, cảng địa phương bảo đảm tính thống nhất trong toàn hệ thống.

Tổng hợp các yếu tố nêu trên đã khẳng định tiềm năng phát triển to lớn ngành hàng hải nói chung và kinh doanh khai thác cảng biển nói riêng trong tương lai.

### 11.3. Định hướng phát triển của Công ty

Nghị quyết số 33-NQ/TW của Bộ Chính trị (Khóa IX) ngày 16 tháng 10 năm 2003 về “Xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” và Kết luận số 75/KL-TW ngày 11/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) về Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) đã xác định: “Phát triển Đà Nẵng theo hướng phát huy tối đa các nguồn lực, lợi thế, tìm ra các động lực mới để xây dựng thành phố trở thành một trong những đô thị lớn của cả nước, một trung tâm kinh tế - xã hội lớn của miền Trung với vai trò là trung tâm dịch vụ, thành phố cảng biển, đầu mối giao thông quan trọng”. Từ mục tiêu và phương hướng phát triển chung của Thành phố và nhận thức được vai trò của hệ thống cảng biển trong tương lai, Cảng Đà Nẵng cũng đã xác định mục tiêu chiến lược định hướng trong 05 năm tới là **phát triển thành cảng có quy mô lớn,**

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

*hiện đại tại Việt Nam, theo hướng phát triển container và tàu du lịch; trở thành một khâu trong chuỗi cung ứng dịch vụ Logistics của khu vực.*

### 11.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Ngành giao thông vận tải bao gồm đường bộ, đường biển, đường sắt và đường hàng không trong đó ngành vận tải đường biển và cảng biển đóng vai trò to lớn trong việc vận tải hàng hoá bằng đường biển đi đến các nước trên thế giới qua đó góp phần quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Với vai trò quan trọng của ngành cảng biển và định hướng phát triển ngành cảng biển trong tương lai hứa hẹn sẽ đem lại nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp trong ngành nói chung và Cảng Đà Nẵng nói riêng không ngừng phát triển.

Nhận thức được tầm quan trọng và vị thế của ngành cũng như vai trò của Cảng Đà Nẵng, Cảng đã và đang vươn lên đầu tư mở rộng, trang bị thiết bị công nghệ hiện đại và nâng cấp về cầu bến luồng dẫn tàu để tiếp nhận với các loại tàu có trọng tải lớn và các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho lượng hàng hóa, container thông qua Cảng một cách thuận lợi và bền vững kể cả tàu khách du lịch. Có thể nói, với những kết quả đã đạt được trong thời gian qua cùng mục tiêu định hướng phát triển thành cảng có quy mô lớn, hiện đại nhất Miền Trung Việt Nam, trở thành một khâu trong chuỗi cung ứng dịch vụ Logistics của khu vực nêu trên, Cảng Đà Nẵng đã đi đúng định hướng phát triển của Công ty và khẳng định được sự phù hợp về định hướng phát triển của Cảng với định hướng phát triển chung của ngành và chính sách của Nhà nước.

## II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

### 1. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được nêu trong Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn Nhà nước thành hình thức đa sở hữu; tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý; từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, hướng tới mục tiêu tiếp tục xây dựng, phát triển Cảng Đà Nẵng thành cảng container hiện đại của khu vực miền Trung, xứng đáng với vị trí, vai trò là một trong những cảng biển lớn, quan trọng của khu vực miền Trung nói riêng và cả nước nói chung.

# PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

- Huy động các nguồn vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, các tổ chức kinh tế trong nước đầu tư phát triển doanh nghiệp.
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế của đất nước.
- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường; khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

## 2. Hình thức cổ phần hóa

**Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp kết hợp phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.**

## 3. Thông tin Doanh nghiệp sau cổ phần hóa

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:	CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐÀ NẴNG
Tên viết tắt bằng tiếng Việt:	CẢNG ĐÀ NẴNG
Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh:	DANANG PORT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt bằng tiếng Anh:	DANANG PORT
Trụ sở chính:	Số 26 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại:	0511.3821 114
Fax:	0511.3822 565
E-mail:	cangdn@danangportvn.com
Website:	www.danangportvn.com

Logo Công ty:



# PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

## 4. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

**Bảng 21: Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần**

STT	Nội dung ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề
1	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ Bốc xếp hàng hóa cảng biển Bốc xếp hàng hóa cảng sông	5224 <i>Ngành nghề chính</i>
2	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan) Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác	5210
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa	5222
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển Dịch vụ đại lý vận tải đường biển	5229
5	Dịch vụ ăn uống Chi tiết: Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành: 5610) Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và dịch vụ ăn uống khác (Mã ngành: 562)	56

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

STT	Nội dung ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề
6	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn dầu thô, Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	4661
7	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
8	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh, Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh, Bán lẻ dầu hoả, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh, Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
9	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
10	Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Sửa chữa máy móc, thiết bị Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học Sửa chữa thiết bị điện Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Sửa chữa thiết bị khác	331
11	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
12	Xây dựng nhà các loại	4100
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
14	Hoạt động kinh doanh bất động sản	68



## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

STT	Nội dung ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề
	Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho tàng, nhà xưởng	
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải Chi tiết: Kinh doanh, dịch vụ cảng, bến cảng Hỗ trợ, lai dắt tàu biển Vận chuyển, bảo quản, kiểm đếm và giao nhận hàng hóa Dịch vụ Logistics Kinh doanh vận tải đa phương thức Kinh doanh cho thuê phương tiện vận tải	522
16	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị	33
17	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị phục vụ khai thác cảng	8299
18	Kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm và được cấp phép theo quy định của pháp luật	

(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng đã được phê duyệt)

### 5. Cơ cấu tổ chức Công ty mẹ sau cổ phần hóa

Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty theo mô hình công ty cổ phần như sau:

- Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc



## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua: Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; Thông qua loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; ... và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo nguyên tắc bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín.
- Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.
- Ban điều hành: Gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.
  - + Tổng giám đốc: Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, Tổng giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách

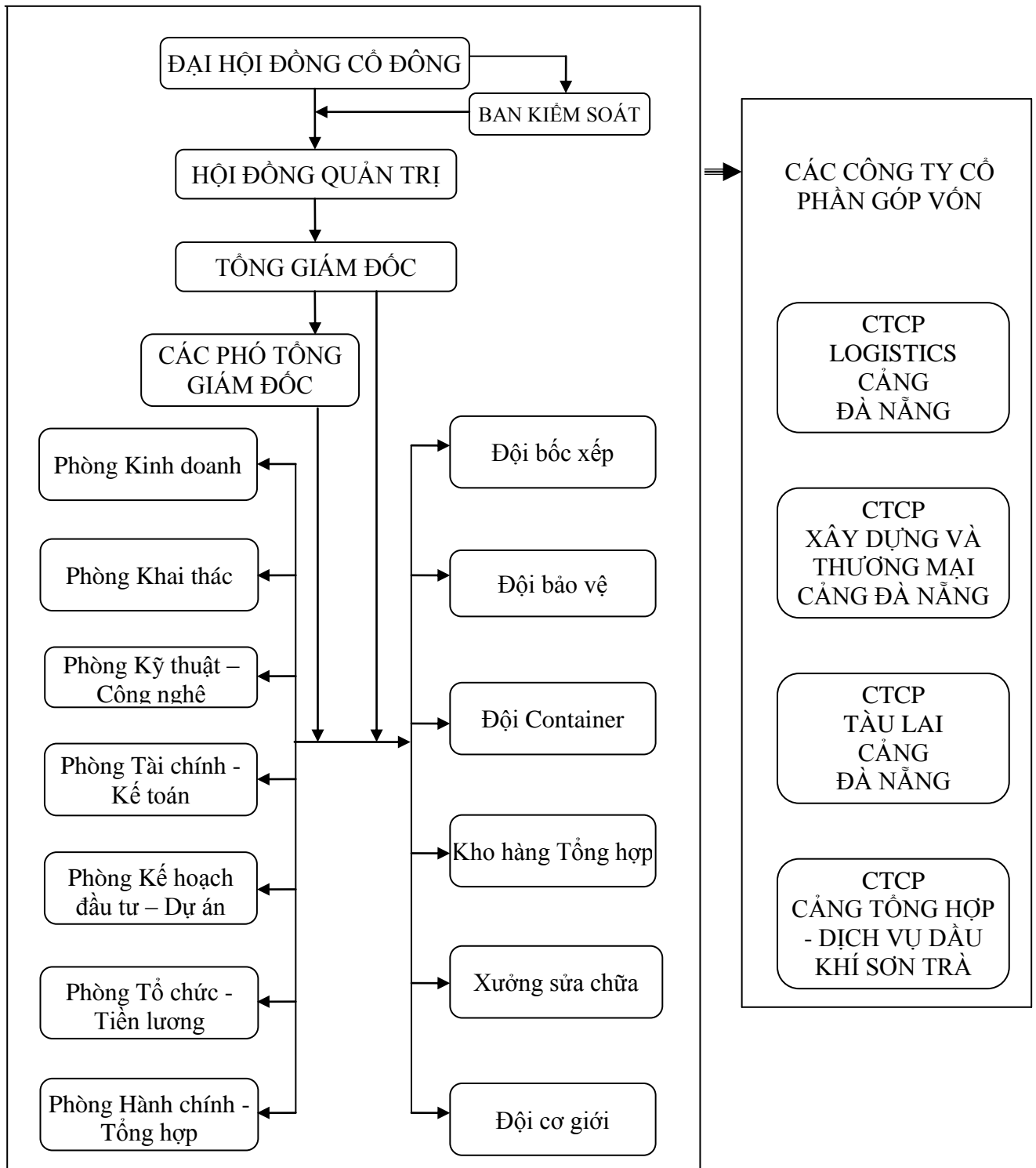
## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

nhệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

- + Các Phó Tổng giám đốc: Giúp việc cho Tổng giám đốc trong chỉ đạo, điều hành và thực hiện từng lĩnh vực quản lý Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc được ủy quyền.
- Kế toán trưởng.
- Các phòng, ban chức năng:
  - + Phòng Tổ chức – Tiền lương;
  - + Phòng Kỹ thuật – Công nghệ;
  - + Phòng Kế hoạch đầu tư – Dự án;
  - + Phòng Tài chính – Kế toán;
  - + Phòng Kinh doanh;
  - + Phòng Khai thác;
  - + Phòng Hành chính – Tổng hợp.
- Các bộ phận sản xuất:
  - + Đội bốc xếp.
  - + Đội bảo vệ.
  - + Đội Container.
  - + Kho hàng Tổng hợp.
  - + Xưởng sửa chữa.
  - + Đội cơ giới.

# PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

## SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA



(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng đã được phê duyệt)

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Việc sắp xếp và hoàn thiện bộ máy tổ chức của Cảng Đà Nẵng sẽ được thực hiện từng bước để phù hợp với tiến độ cổ phần hóa và tiến độ di dời Cảng Sông Hàn (dự kiến hoàn thành cuối năm 2014).

### 6. Cơ cấu sở hữu của Công ty với các đơn vị thành viên

Sau cổ phần hóa, Công ty sẽ tiếp tục nắm giữ vốn cổ phần tại các công ty con, công ty liên kết, liên doanh như trước khi cổ phần hóa, cụ thể như sau:

- Các doanh nghiệp mà Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:
  1. CTCP Logistics Cảng Đà Nẵng;
  2. CTCP Xây dựng và Thương mại Cảng Đà Nẵng;
  3. CTCP Tàu lai Cảng Đà Nẵng.
- Các doanh nghiệp mà Công ty nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống:
  1. CTCP Cảng tổng hợp – Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà.

### 7. Một số thông tin chủ yếu về chiến lược phát triển doanh nghiệp và kế hoạch đầu tư sau khi cổ phần hóa

Công ty định hướng trong chiến lược kinh doanh trong thời gian tới là từng bước hạ tỷ trọng hàng bao, phát triển mức độ hàng rời, hàng khô, tập trung vào hàng container, tàu khách du lịch và các dịch vụ tàu hàng khô trọng tải 40.000 tấn.

Từ định hướng chiến lược trên, Cảng xúc tiến công tác đầu tư cầu tàu và thiết bị theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa. Xác định mục tiêu hàng hóa đến năm 2018 là 8000.000 tấn, trong đó container 340.000TEUs, tàu khách hàng năm từ 120 đến 130 tàu.

### 8. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 03 năm liền kề sau khi cổ phần hóa

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

**Bảng 22: Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD Công ty mẹ trong 05 năm sau cổ phần hóa**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016	2017	2018	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Kế hoạch đầu tư XDCB</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>205.482</b>	<b>91.660</b>	<b>137.000</b>	<b>191.160</b>	<b>239.500</b>	<b>Tổng cộng: 864.802 triệu đồng</b>
	Trong đó:							
+	Phương tiện, thiết bị	Triệu đồng	54.300	62.360	118.700	41.160	36.200	
+	Xây dựng công trình	Triệu đồng	101.182	29.300	18.300	150.000	203.300	
+	Góp vốn Cảng Sơn Trà	Triệu đồng	50.000					
<b>2</b>	<b>Vốn điều lệ</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>660.000</b>	<b>660.000</b>	<b>660.000</b>	<b>660.000</b>	<b>660.000</b>	
<b>3</b>	<b>Sản lượng Hàng hóa</b>	<b>Tấn</b>	<b>5.500.000</b>	<b>6.100.000</b>	<b>6.700.000</b>	<b>7.400.000</b>	<b>8.000.000</b>	
	Trong đó:							
+	Container	TEUs	190.000	220.000	255.000	290.000	340.000	
+	Hàng rời	Tấn	3.220.000	3.484.000	3.700.00	3.920.000	3.800.000	
+	Tàu khách	Lượt chiếc	115	120	120	125	130	
<b>4</b>	<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>425.000</b>	<b>470.000</b>	<b>520.000</b>	<b>580.000</b>	<b>630.000</b>	
+	DT hoạt động kinh doanh cơ bản	Triệu đồng	395.000	440.000	490.000	550.000	600.000	
+	DT hoạt động Tài chính + Khác	Triệu đồng	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	
<b>5</b>	<b>Tổng Chi phí</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>385.000</b>	<b>424.000</b>	<b>470.000</b>	<b>514.000</b>	<b>560.000</b>	
	Trong đó:							
+	Chi phí Nguyên vật liệu (11-15%)	Triệu đồng	42.350	46.640	65.800	71.960	84.000	

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015	2016	2017	2018	Ghi chú
+	Chi phí nhân công (22-30%)	Triệu đồng	115.500	118.720	122.200	123.360	123.200	
+	Chi phí khấu hao (28-30%)	Triệu đồng	107.800	118.720	131.600	154.200	168.000	
+	Chi phí mua ngoài (4-6%)	Triệu đồng	15.400	21.200	28.200	30.840	33.600	
+	Chi phí bằng tiền + Lãi vay (26-28%)	Triệu đồng	103.950	118.720	122.200	133.640	151.200	
<b>6</b>	<b>Lợi nhuận</b>							
+	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>40.000</b>	<b>46.000</b>	<b>50.000</b>	<b>66.000</b>	<b>70.000</b>	
	Tỷ suất LN trước thuế /Vốn điều lệ	%	6,06	6,97	7,58	10,00	10,61	
	Tỷ suất LN trước thuế / Tổng DT	%	9,41	9,79	9,62	11,38	11,11	
+	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>31.200</b>	<b>35.880</b>	<b>40.000</b>	<b>52.800</b>	<b>56.000</b>	
	Tỷ suất LN sau thuế /Vốn điều lệ	%	4,73	5,44	6,06	8,00	8,48	
	Tỷ suất LN sau thuế / Tổng DT	%	7,34	7,63	7,69	9,10	8,89	
+	Lãi cơ bản/cổ phiếu	đồng	473	544	606	800	848	
7	Lợi nhuận chia cổ tức	Triệu đồng	26.520	30.498	34.000	44.880	47.600	
<b>8</b>	<b>Tỷ lệ chi cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>4,02</b>	<b>4,62</b>	<b>5,15</b>	<b>6,80</b>	<b>7,21</b>	
9	Số lao động	người	574	590	610	600	600	Chưa kể công nhân HĐ thời vụ bình quân hàng năm 200 người
10	Bình quân thu nhập/người/tháng	đồng	12.000.000	12.500.000	13.000.000	13.500.000	13.500.000	
11	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	115.500	118.720	122.200	123.360	123.200	

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng và Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng đã được phê duyệt)

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

- Về Kế hoạch đầu tư:

Kế hoạch đầu tư phương tiện thiết bị theo giai đoạn và Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty 05 năm sau cổ phần hóa (Từ năm 2014 đến năm 2018) cụ thể như sau:

**Bảng 23: Kế hoạch đầu tư phương tiện thiết bị 05 năm sau cổ phần hóa theo giai đoạn**

Stt	Phương tiện đầu tư	Số lượng	Ghi chú
<b>Giai đoạn từ 2014 - 2016</b>			
1	Cầu RTG (5+1)	3 cầu	Sản lượng Cont tăng trưởng từ 15 - 20% năm
2	Cầu QCC	1 cầu	
3	Xe đầu kéo chuyên dùng	1 chiếc	
4	Rơ-mooc chuyên dùng	1 chiếc	
5	Xe đầu kéo thông thường	2 chiếc	
6	Rơ-mooc thông thường	2 chiếc	
7	Xe nâng chụp Container rỗng	1 chiếc	
8	Trạm biến áp 750 KVA	3 trạm	
9	Trạm biến áp 1500 KVA	1 trạm	
10	Xe ủi	1 chiếc	
<b>Giai đoạn từ 2017 - 2018</b>			
1	Trạm biến áp 750 KVA	1 trạm	
2	Cầu RTG (5+1)	2 cầu	
3	Xe đầu kéo chuyên dùng	1 chiếc	
4	Rơ-mooc chuyên dùng	1 chiếc	
5	Xe đầu kéo thông thường	2 chiếc	
6	Rơ-mooc thông thường	2 chiếc	

(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng đã được phê duyệt)

# PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

**Bảng 24: Kế hoạch đầu tư và xây dựng công trình giai đoạn 2014 – 2018**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Stt	Hạng mục	Đvt	Số lượng	Ước K/P	KH 2014	KH 2015	KH 2016	KH 2017	KH 2018
<b>I</b>	<b>ĐẦU TƯ PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ</b>			<b>312.720</b>	<b>54.300</b>	<b>62.360</b>	<b>118.700</b>	<b>41.160</b>	<b>36.200</b>
1	Cầu RTG điện	chiếc	5	175.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000
2	Cầu QCC	chiếc	1	100.000		20.000	80.000		
3	Xe Reachstacker nâng cont rỗng	chiếc	1	12.000	12.000				
4	Xe ủi	chiếc	1	6.100	6.100				
5	Trạm biến áp 750 KVA	trạm	4	4.800	1.200	1.200	1.200		1.200
6	Trạm biến áp 1500KVA	trạm	1	2.500			2.500		
7	Đầu kéo chuyên dùng	chiếc	2	4.000		2.000		2.000	
8	Rơ mooc chuyên dùng	chiếc	2	1.920		960		960	
9	Xe đầu kéo thông thường	chiếc	4	4.800		2.400		2.400	
10	Rơ mooc thông thường	chiếc	4	1.600		800		800	
<b>II</b>	<b>XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH</b>			<b>502.082</b>	<b>101.182</b>	<b>29.300</b>	<b>18.300</b>	<b>150.000</b>	<b>203.300</b>
1	Nâng cấp bến 1 (cầu 1 cũ)	m	25	85.682	85.682				
2	Quy hoạch mở rộng bãi về VIJACHIP	m <sup>2</sup>	20.000	16.000		16.000			
3	Kéo dài lán chạy cho 6 block cont	m <sup>2</sup>	8.250	5.000	5.000				



## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Hạng mục	Đvt	Số lượng	Ước K/P	KH 2014	KH 2015	KH 2016	KH 2017	KH 2018
4	Kéo dài cầu 5 Tiên sa (bến 5 cũ) <sup>(1)</sup>	m	80	0	0	0	0	0	0
5	Chân kê cho các Block		4	13.200	3.300	3.300	3.300		3.300
6	Giai đoạn I Logistic 10 ha	ha	10	24.000	4.000	10.000	10.000		
7	Triển khai giai đoạn II Cảng Tiên Sa - cầu tàu và bãi <sup>(2)</sup>	m	320	355.000			5.000	150.000	200.000
8	Nâng cấp bến 8			3.200	3.200				
<b>III</b>	<b>GÓP VỐN CẢNG SƠN TRÀ</b>			<b>50.000</b>	<b>50.000</b>				
	<b>Tổng cộng (I+II+III)</b>			<b>864.802</b>	<b>205.482</b>	<b>91.660</b>	<b>137.000</b>	<b>191.160</b>	<b>239.500</b>

(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng đã được phê duyệt)

(1) Tùy theo đánh giá thực tế mà thay đổi phương án.

(2) Nếu sử dụng vốn ODA thì tổng mức đầu tư là 2.400 tỷ đồng.

- Về Kế hoạch sản lượng:

Trên cơ sở năng lực bốc xếp hiện tại của Cảng Đà Nẵng đạt khoảng trên 5 triệu tấn/năm và đánh giá khả năng tăng trưởng sản lượng hàng hóa qua Cảng, với điều kiện kho bãi và mức độ cạnh tranh trong 05 năm tới, Cảng Đà Nẵng xây dựng kế hoạch tăng trưởng sản lượng bình quân năm trong giai đoạn 2014 – 2018 ở mức 10%, trong đó hàng container tăng trưởng 15%/năm. Bên cạnh hàng container, dịch vụ tàu khách cũng là hoạt động kinh doanh chiến lược của Công ty.

- Về Kế hoạch doanh thu:

+ Đối với hoạt động kinh doanh cơ bản: Với dự báo đơn giá hàng container có xu hướng giảm, từ mục tiêu kế hoạch sản lượng hàng hóa và dịch vụ tàu thông qua Cảng nêu trên, xét đến mức trượt giá hàng năm do ảnh hưởng của yếu tố lạm phát và khả năng khách hàng chấp nhận giá cước, Cảng Đà Nẵng đặt ra kế hoạch doanh thu

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

- hoạt động cơ bản tăng trưởng bình quân năm ở mức 11% trong giai đoạn 2014 – 2018 và đạt mức 600 tỷ đồng vào năm 2018.
- + Đối với hoạt động tài chính và hoạt động khác: Ngoại trừ các khoản hạch toán lãi chênh lệch tỷ giá đồng Yên Nhật thì doanh thu hoạt động tài chính của Công ty trong giai đoạn trước cổ phần hóa chủ yếu đến từ lãi tiền gửi, tiền cho vay và một phần cổ tức từ các công ty cổ phần góp vốn. Tuy nhiên, doanh thu hoạt động tài chính và hoạt động khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu của Công ty và không phải hoạt động kinh doanh chính, do đó Công ty đặt ra mục tiêu kế hoạch doanh thu hoạt động tài chính dao động quanh mức 5% đến 7% sau cổ phần hóa, tương đương với 30 tỷ đồng mỗi năm.
  - Về Kế hoạch chi phí: Kế hoạch chi phí cho hoạt động kinh doanh được Công ty xây dựng trên cơ sở cơ cấu chi phí của giai đoạn trước cổ phần hóa, từ đó rà soát và điều chỉnh theo hướng hiệu quả. Cụ thể:
    - + Giảm chi phí nhân công trong cơ cấu chi phí qua các năm trong giai đoạn 2014 – 2018 (từ kế hoạch 30% cho năm 2014 giảm xuống còn 22% năm 2018).
    - + Chi phí lãi vay được tính toán dựa trên các khoản vay nợ hiện tại và các khoản lãi vay phát sinh khi Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng, thiết bị, đặc biệt đầu tư dự án mở rộng giai đoạn II Cảng Tiên Sa (dự kiến bắt đầu từ năm 2015 đến năm 2018 mỗi năm Công ty sẽ vay ngân hàng 50 tỷ đồng theo lãi suất của ngân hàng thương mại để có thêm nguồn vốn đầu tư), do đó, trong giai đoạn 2015 – 2018 kế hoạch chi phí bằng tiền và lãi vay chiếm khoảng 26 – 28% tổng chi phí của Công ty.
    - + Ngoài hai nhóm chi phí trên, chi phí khấu hao chiếm tỷ trọng trong khoảng 28 – 30% trong cơ cấu chi phí do Công ty tăng cường công tác đầu tư xây dựng cơ bản sau cổ phần hóa, ngoài ra chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khoảng 11 – 15% và chi phí mua ngoài chiếm tỷ trọng khoảng 4 – 6% trong cơ cấu chi phí kế hoạch giai đoạn 2014 – 2018 của Công ty.
  - Về Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức: Lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ năm 2013 là 58,9 tỷ đồng, trong đó chủ yếu từ lãi từ hoạt động tài chính (lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá,..), còn lại lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cơ bản là 13,8 tỷ. Năm 2014 dự kiến lượng tiền gửi ngân hàng giảm và không có chênh lệch tỷ giá do đó Công ty xây dựng kế hoạch lợi nhuận trước thuế là 40 tỷ đồng, trong đó chủ yếu từ lợi nhuận hoạt động kinh doanh cơ bản. Ngoài ra, trong thời gian tới Cảng Đà Nẵng phải ưu tiên đầu tư để nâng cấp cơ sở hạ tầng và đổi mới trang thiết bị nên tỷ lệ lợi nhuận giữ lại lớn, trong khi đó công tác đầu tư chưa phát huy được hiệu quả trong ngắn hạn, vòng quay vốn thấp, không gian sản xuất hạn hẹp, mặt bằng kho bãi thiếu...do đó Công ty cũng phải sử dụng

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

dịch vụ thuê ngoài nên làm gia tăng chi phí và ảnh hưởng đến lợi nhuận, cổ tức của Công ty. Trong bối cảnh trên, Công ty vẫn đặt ra mục tiêu phân đầu kế hoạch lợi nhuận và cổ tức đảm bảo sự gia tăng qua các năm, đạt mức 56 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế vào năm 2018 với tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ là 8,48% và tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2018 đạt mức 7,21%, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận bình quân giai đoạn 2014 – 2018 đạt mức 15%.

Nhìn chung kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức Công ty đặt ra trong giai đoạn 05 năm sau cổ phần hóa nêu trên chưa cao, tuy nhiên trong tương lai khi công tác đầu tư của Công ty đã phát huy hiệu quả, diện tích kho bãi được mở rộng hứa hẹn sẽ góp phần không nhỏ vào việc gia tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

### **Các giải pháp để thực hiện kế hoạch:**

- Giải pháp về tổ chức biên chế, lao động:
  - + Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức bộ máy phù hợp với mô hình quản lý mới nhằm huy động hết các nguồn lực, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tổ chức điều hành doanh nghiệp một cách thông suốt, chuyên nghiệp, hiệu quả, phục vụ chiến lược phát triển của Công ty trong thời gian tới.
  - + Xây dựng và hoàn thiện hệ thống nội quy, quy chế tuyển dụng, bổ nhiệm, quản lý, sử dụng nguồn nhân lực: Hoàn thiện, đổi mới chính sách tuyển dụng; thực hiện quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm hợp lý và hiệu quả; tăng cường kỷ luật lao động và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công nhân viên nhất là cán bộ đầu ngành của Phòng, Ban, Chi nhánh.
  - + Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách đãi ngộ, đánh giá và khen thưởng người lao động: Hoàn thiện và đổi mới chính sách trả lương, quy chế trả lương nhằm giữ chân và thu hút nhân tài, các hình thức thưởng và đãi ngộ, động viên đối với người lao động, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao chất lượng môi trường làm việc (xây dựng văn hóa doanh nghiệp).
  - + Xây dựng lực lượng cán bộ quản lý doanh nghiệp có phẩm chất chính trị, có kiến thức quản trị doanh nghiệp tiên tiến, có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, am hiểu kiến thức về lĩnh vực hàng hải và khai thác Cảng đáp ứng được những yêu cầu hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.
  - + Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng theo hướng chuyên sâu, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý đáp ứng tiêu chuẩn viên chức quản lý chuyên môn và nghiệp vụ, đội ngũ lao động kỹ thuật có trình độ theo hướng chuyên môn hóa, có kỹ năng nghề thuần thực nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành và sử dụng quy trình công nghệ mới.

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

- + Tính toán nhu cầu lao động cho những năm tiếp theo cũng như thay thế cho số lao động sẽ nghỉ hưu, tuyển dụng một số lao động trẻ, có chuyên môn tốt và phù hợp để bổ sung vào lực lượng thường xuyên.
- Giải pháp về thị trường:
  - + Tập trung đẩy mạnh công tác sales và marketing, quản trị quan hệ khách hàng nhằm nắm bắt thông tin để thu hút nguồn hàng, khách hàng về qua Cảng. Đồng thời tiếp tục tập trung vào nghiên cứu, tìm hiểu thị trường trong và ngoài nước, hướng mạnh vào thị trường Tây Nguyên và tuyến Hành lang Kinh tế Đông Tây.
  - + Xác định vùng hậu phương của Cảng, tăng cường công tác nghiên cứu, khảo sát hàng hóa trên vùng hậu phương đồng thời với việc thực hiện nghiên cứu, khảo sát thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh để có dự báo hàng hóa trong các năm kế hoạch.
  - + Xây dựng các chính sách Marketing hỗn hợp (Marketing Mix), định hướng vào khách hàng như: Chính sách đa dạng dịch vụ, tăng số lượng dịch vụ cảng để khách hàng lựa chọn, thúc đẩy năng suất và nâng cao chất lượng dịch vụ, lắng nghe và chia sẻ lợi ích với khách hàng, thực hiện chính sách giá cước hợp lý với mức giá hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng khách hàng, mặt hàng, chiết khấu đối với các mặt hàng mới nhằm thu hút lượng hàng về qua Cảng.
  - + Xây dựng và quản trị tốt thương hiệu Cảng Đà Nẵng, thực hiện tốt công tác PR, tăng cường tham dự các hội nghị, hội thảo... nhằm quảng cáo quảng bá hình ảnh Cảng Đà Nẵng đến khách hàng và cộng đồng.
- Giải pháp về công tác đầu tư phát triển:
  - + Tiếp tục đưa công nghệ thông tin vào quản lý và khai thác cảng. Hoàn thiện các phần mềm về khai thác container, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng container trong thời gian tới.
  - + Tiếp tục đầu tư thiết bị, phương tiện xếp dỡ bảo đảm phục vụ tốt nhu cầu tăng trưởng hàng hóa qua Cảng; thay thế các thiết bị cũ, lạc hậu. Đặc biệt chú trọng đầu tư thiết bị theo hướng dịch vụ container.
  - + Thực hiện kế hoạch đầu tư mở rộng giai đoạn II Cảng Tiên Sa nhằm phục vụ cho hoạt động khai thác cảng và sự phát triển cho những năm tới cùng với việc phát huy lợi thế có được và đảm bảo sự cạnh tranh của các cảng trong khu vực; triển khai phương án đầu tư tối ưu để thực hiện giai đoạn II với 320 mét chiều dài cầu và khoảng 5 héc ta kho bãi nhằm nâng tổng công suất cầu, bến bãi Cảng Tiên Sa, Sơn Trà lên đến 9 triệu tấn hàng hóa thông qua cảng vào năm 2020, đáp ứng cho trường

## PHẦN III: TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP

hợp quá tải và nhu cầu của tàu đến 50.000 DWT, tàu container đến 4000 teus và tàu khách đến 100.000 GRT.

- + Phối hợp với Công ty Cổ phần Cảng tổng hợp – Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà đẩy nhanh tiến trình xây dựng 200 mét cầu tàu và kho bãi để thay thế việc di dời, giải tỏa Cảng Sông Hàn vào tháng 6 năm 2014 theo chủ trương của Thành phố Đà Nẵng.
- + Đầu tư nâng cấp hạ tầng: nâng cấp bến 2 Tiên Sa, bãi hàng tổng hợp, quy hoạch giao thông Cảng Tiên Sa; Đầu tư kéo dài cầu 3 thêm 80m nhằm giải quyết việc quy hoạch một bến tàu khách riêng biệt, đáp ứng nhu cầu lượng tàu khách ngày càng tăng cao với số chuyến tàu lớn tăng; Duy trì cầu 1, nâng cấp và kéo dài cầu thêm 25m để có thể đón nhận tàu đến 45.000 DWT, tiếp tục khai thác được các tàu khách cỡ lớn đã từng cập cầu này.
- + Quy hoạch lại bãi, di dời sản xuất dầm ra ngoài để tăng diện tích bãi, nâng cấp mặt bãi, tạo chân kê ở khu đã quy hoạch để chứa container, đồng thời đầu tư thiết bị chuyên dùng RTG (loại cầu khung) thích hợp để nâng công suất bãi chứa container.
- + Đầu tư Trung tâm dịch vụ Logistics 20ha tại huyện Hòa Vang, là khu kho bãi hạ tầng Cảng.
- + Thanh lý và thay thế, đổi mới những phương tiện thiết bị cũ, kém hiệu quả bằng những phương tiện thích hợp, cơ giới hóa lao động, nâng cao năng suất xếp dỡ.
- + Thực hiện kế hoạch xin mở rộng về phía Nam (phần đất tiếp giáp bãi container thuộc Vùng III Hải quân đang quản lý) để tăng sức chứa bãi container hiện có, giảm thiểu chi phí đầu tư và kết hợp được thiết bị chuyên dùng xếp dỡ container đã được đầu tư phát huy hiệu quả công suất.
- Giải pháp về vốn:
  - + Trong giai đoạn 2014 – 2018, tổng số tiền để chi cho các hạng mục đầu tư của Công ty khoảng 865 tỷ đồng. Dự kiến bên cạnh nguồn vốn tự có, Công ty sẽ sử dụng vốn đầu tư từ nguồn khấu hao và nguồn vốn vay thương mại, cụ thể: nguồn khấu hao là 680 tỷ và nguồn vay thương mại 200 tỷ (năm 2015: 50 tỷ, năm 2016: 50 tỷ, năm 2017: 50 tỷ, năm 2018: 50 tỷ). Đối với một số hạng mục đầu tư Công ty cũng sẽ sử dụng vốn vay ưu đãi và kêu gọi đầu tư từ các nguồn khác.
  - + Bên cạnh đó, trong hoạt động kinh doanh và đầu tư phát triển giai đoạn 2014 – 2018, Cảng Đà Nẵng có thể tìm đối tác, hợp tác đầu tư xây dựng giai đoạn II Tiên Sa, nếu có đối tác tham gia vốn góp thì Dự án giai đoạn II Tiên Sa có thể tiến hành và hoàn thành đưa vào khai thác sớm hơn dự kiến.

## PHẦN IV: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ

### 1. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng dự kiến sau khi cổ phần hóa là: **660.000.000.000 đồng** (Sáu trăm sáu mươi tỷ đồng).

### 2. Cơ cấu vốn điều lệ

Tổng số cổ phần của Công ty dự kiến tại thời điểm thành lập là: **66.000.000 cổ phần**, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng, cơ cấu vốn điều lệ chi tiết theo bảng sau:

**Bảng 25: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến của Công ty sau khi cổ phần hóa**

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ
<b>I</b>	<b>Nhà nước</b>	<b>49.500.000</b>	<b>495.000.000.000</b>	<b>75,0000%</b>
<b>II</b>	<b>Bán ra bên ngoài</b>	<b>16.500.000</b>	<b>165.000.000.000</b>	<b>25,0000%</b>
1	Người lao động trong Công ty	1.568.300	15.683.000.000	2,3762%
	Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế trong khu vực nhà nước (bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất)	944.800	9.448.000.000	1,4315%
	Mua ưu đãi theo năm công tác cam kết (bằng giá đấu thành công thấp nhất)	623.500	6.235.000.000	0,9447%
2	Công đoàn	30.000	300.000.000	0,0455%
3	Nhà đầu tư chiến lược	6.600.000	66.000.000.000	10,0000%
4	Nhà đầu tư khác mua qua cuộc đấu giá công khai	8.301.700	83.017.000.000	12,5783%
<b>Tổng cộng</b>		<b>66.000.000</b>	<b>660.000.000.000</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng đã được phê duyệt)

# PHẦN V: RỦI RO DỰ KIẾN

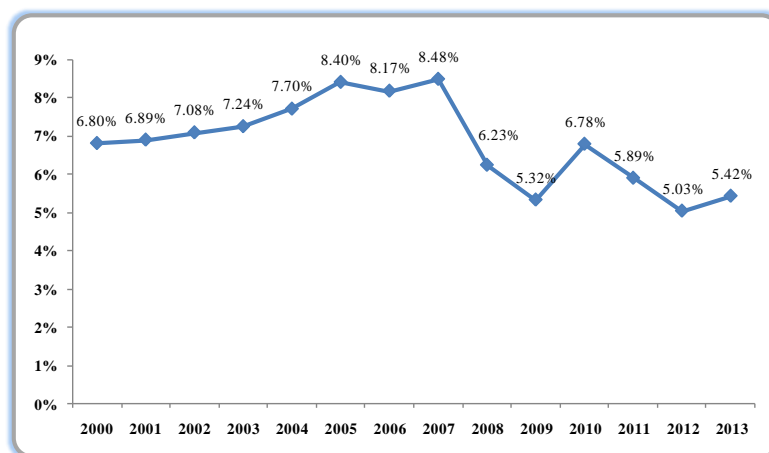
## 1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái. Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

### *Tốc độ tăng trưởng kinh tế*

Ngày 11/01/2007, Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đánh dấu sự hội nhập của nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế thế giới. Song hành cùng các cơ hội đối với các doanh nghiệp Việt Nam là những tác động tiêu cực từ nền kinh tế thế giới. Cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 trên toàn cầu đã tác động mạnh vào nền kinh tế Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2008 giảm còn 6,23% trong khi tỷ lệ lạm phát tăng cao lên đến 19,9%. Thời gian qua, kinh tế thế giới mặc dù đang phục hồi và có những chuyển biến tích cực, song nhìn chung chưa thực sự ổn định và còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất lợi tác động đến kinh tế nước ta.

**Tỷ lệ GDP của Việt Nam giai đoạn 2000 – 2013**



(Nguồn: Tổng Cục Thống kê Việt Nam)

Năm 2012 mức tăng trưởng kinh tế đạt thấp so với các năm trước là do tình hình kinh tế - xã hội trong nước vẫn tiếp tục bị ảnh hưởng từ diễn biến phức tạp của kinh tế toàn cầu cùng với việc thắt chặt tài khóa và tiền tệ trong nước để kiềm chế lạm phát nên gặp nhiều khó khăn, nhiều ngành, lĩnh vực gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm. Sản xuất công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nhưng kết quả tăng thấp. Tuy nhiên, với



## PHẦN V: RỦI RO DỰ KIẾN

sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước nên kinh tế - xã hội có những chuyển biến tích cực và đúng hướng. Kinh tế vĩ mô nhìn chung ổn định. Tăng trưởng ở mức hợp lý. Lạm phát được kiềm chế. Sản xuất công nghiệp phát triển với những dấu hiệu phục hồi, hàng tồn kho có xu hướng giảm. Sản xuất nông nghiệp và hoạt động kinh doanh của khu vực dịch vụ giữ ổn định.

Trong năm 2013, ngay từ đầu năm Chính phủ và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản và chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện mục tiêu tăng cường kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, trong đó trọng tâm là Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu,... Tình hình nền kinh tế năm 2013 đã có những cải thiện nhất định. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2013 ước tính tăng 5,42% so với năm 2012, trong đó quý I tăng 4,76%; quý II tăng 5,00%; quý III tăng 5,54%; quý IV tăng 6,04%. Mức tăng trưởng năm 2013 tuy thấp hơn mục tiêu tăng 5,5% đề ra nhưng cao hơn mức tăng của năm 2012 và có tín hiệu phục hồi. Trong mức tăng 5,42% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,67%, xấp xỉ mức tăng năm trước, đóng góp 0,48 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,43%, thấp hơn mức tăng 5,75% của năm trước, đóng góp 2,09 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 6,56%, cao hơn mức tăng 5,9% của năm 2012, đóng góp 2,85 điểm phần trăm (Nguồn: Website của Tổng cục Thống kê Việt Nam – <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=403&idmid=2&ItemID=14769>).

### **Lãi suất**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có sử dụng đến kênh huy động vốn từ tín dụng và chịu lãi suất sử dụng vốn vay, khi đó, chỉ cần một sự biến động nhỏ về lãi suất trong chiến lược điều hành chính sách tiền tệ của Nhà nước cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí tài chính và lợi nhuận của Công ty.

Trong năm 2012, Ngân hàng Nhà nước đã 5 lần hạ trần lãi suất huy động VNĐ từ 14%/năm xuống còn 8%/năm. Bước sang năm 2013, để hỗ trợ các doanh nghiệp tiết giảm chi phí và thúc đẩy nền kinh tế phục hồi, Ngân hàng Nhà nước đã liên tục ban hành các quyết định cắt giảm lãi suất, kể từ ngày 28/6/2013, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 06 tháng giảm còn 7,0%/năm, đồng thời trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên giảm xuống còn 9%/năm.



## PHẦN V: RỦI RO DỰ KIẾN

Từ đầu năm 2014 đến nay, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục tích cực triển khai các giải pháp tiền tệ, tín dụng ngân hàng theo mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, bảo đảm thanh khoản của các tổ chức tín dụng và nền kinh tế. Ngày 17/3/2014, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 07/2014/TT-NHNN và Quyết định số 498/QĐ-NHNN quy định mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức (trừ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) và cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-NHNN, theo đó kể từ ngày 18/3/2014, mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng là 1%/năm, mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng là 6%/năm; riêng Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô áp dụng mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng là 6,5%/năm; lãi suất tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ấn định trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường. Đồng thời, ngày 17/3/2014, Ngân hàng Nhà nước cũng đã ban hành Thông tư số 08/2014/TT-NHNN và Quyết định số 499/QĐ-NHNN về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định tại Thông tư số 08/2014/TT-NHNN, theo đó, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với các nhu cầu vốn phục vụ nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao giảm xuống còn 8%/năm; lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô đối với các nhu cầu vốn này giảm xuống còn 9%/năm.

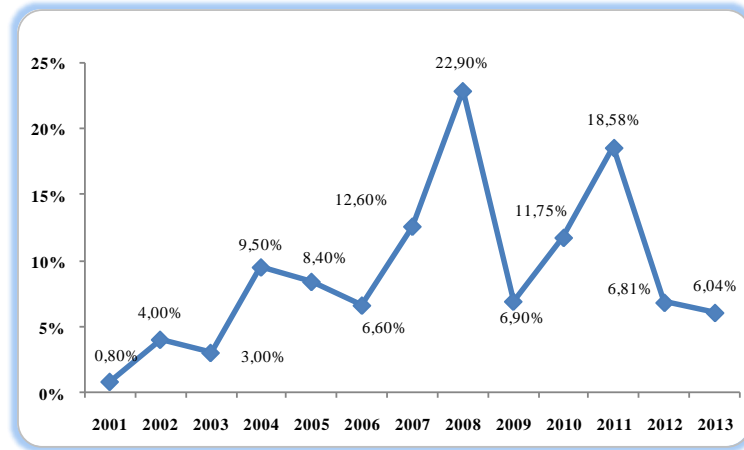
### ***Lạm phát***

Lạm phát thường xảy ra do hai nguyên nhân chính là chi phí đẩy hoặc cầu kéo. Tổng cầu gia tăng do sự gia tăng của tiêu dùng hộ gia đình, chi tiêu Chính phủ, đầu tư và thay đổi rơng từ hoạt động xuất nhập khẩu.

Với mục tiêu tiếp tục kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô trong năm 2012, Ngân hàng Nhà nước đã tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt và bước đầu đã thu được những kết quả trong việc kiềm chế lạm phát. Điều này được thể hiện qua việc CPI Quý I năm 2012 chỉ tăng 2,55% so với tháng 12 năm 2011, thậm chí xảy ra giảm phát trong tháng 6/2012 (-0,26%) và tháng 7/2012 (-0,29%). Kết thúc năm 2012, CPI chỉ tăng 6,81% so với cùng kỳ, thấp hơn nhiều so với mức tăng 18,58% của năm 2011.

# PHẦN V: RỦI RO DỰ KIẾN

Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2001 – 2013



(Nguồn: Tổng Cục Thống kê Việt Nam)

Sau khi lạm phát được kiểm chế ở mức 6,81% trong năm 2012, chỉ số giá tiêu dùng năm 2013 tiếp tục được kiểm soát. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2013 tăng 0,51% so với tháng trước và tăng 6,04% so với tháng 12/2012. Đây là năm có chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2013 tăng 6,6% so với bình quân năm 2012.

Mặc dù lạm phát trong thời gian qua luôn được kiểm chế nhưng dưới tác động của lạm phát, các chi phí đầu vào phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng như chi phí nguyên vật liệu, điện, nước, ... đều có xu hướng gia tăng, qua đó phần nào gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

## 2. Rủi ro về luật pháp

Hiện nay, hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro về mặt pháp lý cho hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt sau khi công ty chuyển đổi từ mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang mô hình công ty cổ phần. Tuy nhiên, với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Chính phủ cũng đang từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật theo hướng đơn giản, minh bạch, ổn định theo thông lệ quốc tế.

## 3. Rủi ro đặc thù ngành

Công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý và khai thác Cảng biển nên sự phát triển của ngành Cảng biển có ảnh hưởng rất nhiều đến kết quả kinh doanh của Công ty. Vừa qua, Bộ Giao thông Vận tải đã có những rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch phát triển hệ thống

## PHẦN V: RỦI RO DỰ KIẾN

cảng biển Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 cho sát với tình hình thực tế. Theo đó, lần quy hoạch này vẫn tập trung phát triển hệ thống cảng biển để nhanh chóng hội nhập với các nước tiên tiến trong khu vực, phát triển hợp lý các cảng tổng hợp quốc gia, cảng chuyên dùng, cảng địa phương đảm bảo tính thống nhất trong toàn hệ thống. Điều này có thể dẫn tới rủi ro về vấn đề hạ tầng mặt bằng của Công ty trước mắt chưa kịp đáp ứng được sức nóng tăng trưởng của cơ sở vật chất cũng như sức ép cạnh tranh trên thị trường. Để hạn chế rủi ro này Công ty đang chú trọng đầu tư thiết bị công nghệ cũng như thực hiện đầu tư mở rộng, xây dựng công trình phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

### 4. Rủi ro của đợt chào bán

Việc chào bán cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Cảng Đà Nẵng chịu ảnh hưởng lớn bởi tình hình thị trường chứng khoán và diễn biến của nền kinh tế. Những yếu tố, thông tin bất lợi về thị trường chứng khoán và kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của các nhà đầu tư và khả năng hấp thụ của thị trường. Đây là đợt chào bán không có đơn vị bảo lãnh phát hành nên đợt bán đấu giá này có thể không thành công như kỳ vọng, tức là tổng khối lượng cổ phần được mua thấp hơn khối lượng chào bán. Khi đó, số cổ phần không chào bán hết sẽ được xử lý theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Rủi ro của đợt chào bán, nếu xảy ra, sẽ làm thay đổi cơ cấu vốn điều lệ thực tế của Công ty so với cơ cấu dự kiến, qua đó phần nào ảnh hưởng tới việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa. Tuy nhiên, xem xét các thế mạnh hiện tại và tiềm năng phát triển trong dài hạn của Công ty, Công ty hoàn toàn tin tưởng vào sự thành công của đợt bán đấu giá cổ phần.

### 5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên đây, một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, các biến động của chính trị - xã hội...

## PHẦN VI: CỔ PHẦN CHÀO BÁN

### 1. Thông tin chung về đợt chào bán

- Tên cổ phần : Cổ phần Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng
- Vốn điều lệ dự kiến : 660.000.000.000 đồng
- Số cổ phần dự kiến phát hành : 66.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bán đấu giá công khai : **8.301.700 cổ phần**
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Giá khởi điểm bán đấu giá : **11.400 đồng/cổ phần.**

### 2. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần

#### 2.1. Phương thức bán cổ phần

**Bảng 26: Phương thức bán cổ phần dự kiến**

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ so với vốn điều lệ	Giá bán
	<b>Bán ra bên ngoài</b>	<b>16.500.000</b>	<b>25,0000%</b>	
1	Người lao động trong Công ty	1.568.300	2,3762%	
	<i>Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế trong khu vực nhà nước</i>	944.800	1,4315%	<i>Bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất</i>
	<i>Mua ưu đãi theo năm công tác cam kết</i>	623.500	0,9447%	<i>Bằng giá đấu thành công thấp nhất</i>
2	Công đoàn	30.000	0,0455%	60% giá đấu thành công thấp nhất
3	Nhà đầu tư chiến lược	6.600.000	10,0000%	Theo quy định của Thông tư số 196/2011/TT-BTC

## PHẦN VI: CỔ PHẦN CHÀO BÁN

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ so với vốn điều lệ	Giá bán
				ngày 26/12/2011 hướng dẫn Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011
4	Nhà đầu tư khác mua qua cuộc đấu giá công khai	8.301.700	12,5783%	Giá đấu thành công

(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng đã được phê duyệt)

### 2.2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với cổ phần bán cho cán bộ công nhân viên, công đoàn:
  - + Thời gian thực hiện: Sau khi thực hiện đấu giá công khai.
  - + Phương thức và thời hạn thanh toán do Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng quy định.
- Đối với cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược:
  - + Thời gian thực hiện: Sau khi thực hiện đấu giá công khai.
  - + Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán do Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng quy định trên cơ sở Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt.
- Đối với cổ phần bán đấu giá lần đầu ra bên ngoài: Phương thức và thời hạn thanh toán được quy định cụ thể trong “*Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng*” do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành.

### 3. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa

Số tiền chênh lệch thu được từ bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp kết hợp phát hành thêm cổ phiếu và các khoản được giảm trừ sẽ nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, cụ thể là:

## PHẦN VI: CỔ PHẦN CHÀO BÁN

**Bảng 27: Dự kiến kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa**

TT	KHOẢN MỤC	GIÁ TRỊ (Đồng)
A	Vốn điều lệ	660.000.000.000
B	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	654.588.730.621
C	<b>Tiền thu từ cổ phần hóa (dự kiến):</b>	<b>183.654.912.000</b>
	- Từ bán cổ phần ưu đãi giảm giá 40% cho người lao động	6.462.432.000
	- Từ bán cổ phần bằng giá đấu thành công thấp nhất cho người lao động	7.107.900.000
	- Từ bán cổ phần cho công đoàn (giảm 40%)	205.200.000
	- Từ bán cổ phần cho cổ đông chiến lược	75.240.000.000
	- Từ bán đấu giá	94.639.380.000
D	Giá trị mệnh giá cổ phần bán cho CBCNV, công đoàn, cổ đông chiến lược và bán đấu giá	165.000.000.000
E	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại Doanh nghiệp (E) = (A) – (B)	5.411.269.379
F	Chi phí cổ phần hóa của doanh nghiệp	500.000.000
G	Chi phí giải quyết chính sách lao động dôi dư	5.005.444.500
H	Phần thặng dư vốn để lại doanh nghiệp tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/Vốn điều lệ	107.811.077
	<b>Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách = (C) – (E) – (F) – (G) – (H)</b>	<b>172.630.387.044</b>

(Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng đã được phê duyệt)

*Ghi chú: Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách trên được tính toán dựa trên giả định (i) các đối tượng được chào bán mua hết số cổ phần và (ii) giá đấu thành công thấp nhất, giá đấu thành công bình quân của cuộc đấu giá bán cổ phần và giá bán cho cổ đông chiến lược của Cảng Đà Nẵng tạm tính bằng giá khởi điểm là 11.400 đồng/cổ phần. Số tiền thu được từ cổ phần hóa và tổng số tiền hoàn vốn ngân sách sẽ được tính toán lại căn cứ kết quả bán cổ phần thực tế theo đúng các quy định của pháp luật.*

## PHẦN VI: CỔ PHẦN CHÀO BÁN

### 4. Các bên liên quan đến đợt chào bán

#### TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ

#### CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG ĐÀ NẴNG

Địa chỉ trụ sở chính : 26 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : 0511.3821 114 Fax: 0511.3822 565

Website : [www.danangport.com.vn](http://www.danangport.com.vn)

#### TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ

#### SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ trụ sở chính : Số 02 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 04.3936 0750 Fax: 04.3934 7818

Website : [www.hnx.vn](http://www.hnx.vn)

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở chính : Số 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : 04.3556 2876 / 2875 Fax: 04.3556 2874

Website : [www.vietinbanksc.com.vn](http://www.vietinbanksc.com.vn)

#### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Địa chỉ Chi nhánh : Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại : 0511.3655 886 Fax: 0511.3655 887

Website : [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn)

#### TỔ CHỨC XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

#### CÔNG TY TNHH MTV THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH ĐÀ NẴNG (DVFSC)

Địa chỉ trụ sở chính : 10-12 Trần Phú, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : 0511.3887 531 Fax: 0511.3887 628

Website : [www.tdgdanang.com](http://www.tdgdanang.com)

## PHẦN VI: CỔ PHẦN CHÀO BÁN

### THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng, được Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam soạn thảo một cách trung thực, khách quan và chính xác dựa trên các thông tin và số liệu do Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng cung cấp.

Tất cả những thông tin trên được đưa ra theo đúng quy định của luật hiện hành nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán.

Các thông tin trên cung cấp cho nhà đầu tư với mục tiêu giúp nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư nên tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi đưa ra quyết định đầu giá mua cổ phần của Công ty TNHH Một thành viên Cảng Đà Nẵng.

*Trân trọng cảm ơn Quý nhà đầu tư đã quan tâm!*



# PHẦN VI: CỔ PHẦN CHÀO BÁN

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG ĐÀ NẴNG  
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM  
Lê Triều Thanh

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG ĐÀ NẴNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thu

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Bạch Nguyễn Vũ